

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ<br>ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                      | NHÀ XB      | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|------------------|------------------------------------------|-------------|-----------------|---------|
| 1                 | 01->05           | NGUYỄN MINH KHIÊM- Một góc phù sa        | Hội nhà văn | 2007            |         |
| 2                 | 06               | Phu nhân Mắc-bét                         | HN          | 1988            |         |
| 3                 | 07               | Mùa xuân                                 | VHTT        | 1994            |         |
| 4                 | 08               | Ngây thơ                                 | PN          | 1978            |         |
| 5                 | 09               | Khi em trở về                            | PN          | 1976            |         |
| 6                 | 10               | LỮ GIANG- Ánh nắng và mây mù             | PN          | 1977            |         |
| 7                 | 11               | Trạng nghệ Cống                          | VHTT        | 1984            |         |
| 8                 | 12               | Ngày mở hội                              | VH          | 1976            |         |
| 9                 | 13               | Nước non bừng sáng                       | PN          | 1975            |         |
| 10                | 14               | Một mình giữa đại dương                  | KĐ          | 1984            |         |
| 11                | 15               | Thơ Hoàng Đức Mậu                        | VB          | 1974            |         |
| 12                | 16               | Cuộc du lịch kì diệu của Nin Hơ-cooc-xon | KĐ          | 1979            |         |
| 13                | 17               | Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân        | QĐND        | 1984            |         |
| 14                | 18->19           | NGUYỄN MINH KHIÊM- Chim én làm tổ        | VHNT        | 1998            |         |
| 15                | 20               | CAO THÀNH- Tội ác và di hài              | VHDT        | 1976            |         |
| 16                | 21               | Nắng lên cao                             | QĐND        | 1975            |         |
| 17                | 22               | Mưa trong rừng cháy                      | TN          | 1976            |         |
| 18                | 23               | Không còn đường nào khác                 | VHQP        | 1968            |         |
| 19                | 24               | Từ núi rừng Ba- tơ                       | PN          | 1977            |         |
| 20                | 25               | Bốn thiên truyện tình                    | QĐND        | 1994            |         |
| 21                | 26               | Thanh Hóa trong trái tim bè bạn          | TH          | 1986            |         |
| 22                | 27               | LÒ VĂN CẬY- Hạt muối hạt tình            | HN          | 1986            |         |
| 23                | 28               | VƯƠNG LINH- Những sắc màu quê hương      | TPM         | 1977            |         |
| 24                | 29->30           | THANH THẢO- Những khối vuông ru-bic      | PN          | 1985            |         |
| 25                | 31               | Tuổi xuân sống mãi                       | PN          | 1987            |         |
| 26                | 32               | Hoa trước lăng Người                     | HN          | 1977            |         |

|    |        |                                                              |      |      |  |
|----|--------|--------------------------------------------------------------|------|------|--|
| 27 | 33     | Đường xuân                                                   | TPM  | 1979 |  |
| 28 | 34     | Thức dậy một loài hoa                                        | LĐ   | 1986 |  |
| 29 | 35     | Hạt muối hạt tình                                            | VH   | 1986 |  |
| 30 | 36     | Hồn nhiên                                                    | TPM  | 1979 |  |
| 31 | 37     | Từ ngày anh đi                                               | QĐND | 1973 |  |
| 32 | 38     | Hãy sống đến bình minh                                       | QĐND | 1983 |  |
| 33 | 39     | Năm tôi mười ba tuổi                                         | KĐ   | 1977 |  |
| 34 | 40     | Giữa những ngày xuân                                         | TPM  | 1977 |  |
| 35 | 42     | Mưa trong rừng cháy                                          | VHGP | 1976 |  |
| 36 | 43     | NGUYỄN VĂN THÔNG- Lãng tử và vũ nữ Chàm                      | HNV  | 1994 |  |
| 37 | 44     | Kể chuyện Bác hồ                                             | GD   | 2003 |  |
| 38 | 45     | Miền đất trong tôi, ban mai hoa cỏ                           | TH   | 1987 |  |
| 39 | 46     | Tuổi thơ                                                     | PN   | 1985 |  |
| 40 | 47->51 | Đằng sau mặt trời                                            | TH   | 1996 |  |
| 41 | 52     | Mặt trời xanh                                                | GD   | 1993 |  |
| 42 | 53     | Những bông hoa đầu mùa                                       | TH   | 1978 |  |
| 43 | 54     | Chuyện người lái máy kéo                                     | LĐ   | 1979 |  |
| 44 | 55     | Truyện Thị                                                   | HNV  | 1996 |  |
| 45 | 56     | Sống trong mồ                                                | VH   | 1973 |  |
| 46 | 57     | Ba-ri-e                                                      | LĐ   | 1987 |  |
| 47 | 58     | Sông Hằng mẹ tôiHoa trong cây                                | VH   | 1984 |  |
| 48 | 59     | Người không mang súng                                        | HN   | 1987 |  |
| 49 | 60     | Câu chuyện phương bắc                                        | VH   | 1987 |  |
| 50 | 61     | Tuổi trẻ Ki-rốp                                              | TN   | 1979 |  |
| 51 | 62     | Con đường giải phóng                                         | PN   | 1979 |  |
| 52 | 63     | Những gương mặt hôm nay                                      | PN   | 1985 |  |
| 53 | 64     | Giai thoại văn học ở Thanh Hóa                               | TH   | 1998 |  |
| 54 | 65     | TRẦN DÂN TIỀN- Những mẫu chuyện về hoạt động của Hồ Chủ tịch | ST   | 1975 |  |

|    |        |                                      |      |      |  |
|----|--------|--------------------------------------|------|------|--|
| 55 | 66     | Từ vùng đất tổ                       | TN   | 1979 |  |
| 56 | 67     | VÕ VĂN TRỰC- Đèo lửa đèo trắng       | GTVT | 1987 |  |
| 57 | 68     | Màu đỏ lá trạng nguyên               | VHNT | 1987 |  |
| 58 | 69     | Những người làm nên lịch sử          | TN   | 1974 |  |
| 59 | 70     | Bức chân dung dở dang                | VH   | 1986 |  |
| 60 | 71     | HOÀNG TUẤN PHỐ- Thắng cảnh Sầm Sơn   | TN   | 1983 |  |
| 61 | 72     | Am-be-anh-tanh                       | VH   | 1976 |  |
| 62 | 73     | Giữ đường                            | TH   | 1972 |  |
| 63 | 74->83 | Anh hùng liệt sĩ Lưu Thế Hà          | TH   | 1997 |  |
| 64 | 84->90 | NGUYỄN MINH KHIÊM- Đẳng sau mặt trời | TH   | 1996 |  |
| 65 | 91     | MÁC-CÔM-BÔ- Hạnh phúc ngắn ngủi      | TPM  | 1986 |  |
| 66 | 92     | JOZEP RYBAK- Kể chuyện về Jul Fuixic | TN   | 1978 |  |

|    |     |                                             |      |      |  |
|----|-----|---------------------------------------------|------|------|--|
| 67 | 93  | NGUYỄN XUÂN NHA- Quà của chúa               | TH   | 1998 |  |
| 68 | 94  | Người nói chuyện với động vật               | HN   | 1987 |  |
| 69 | 95  | Mùa xuân của một thiên tài                  | HN   | 1987 |  |
| 70 | 96  | NGUYỄN HỒ -đất nước vào xuân                |      |      |  |
| 71 | 97  | Nhớ ơn Bác Hồ                               | PN   | 1980 |  |
| 72 | 98  | KHAI HÙNG-Chùa Tự                           | GD   |      |  |
| 73 | 99  | MA VĂN KHÁNG-Đám cưới không có giấy giá thú | HN   | 1990 |  |
| 74 | 100 | Làng tôi không có tượng-Thơ                 | TH   | 2000 |  |
| 75 | 101 | Thanh Hóa trong trái tim bè bạn             | TH   | 1986 |  |
| 76 | 102 | Tiểu thuyết Mỹ- Chớp sáng                   | LĐ   | 1997 |  |
| 77 | 103 | VŨ HUY BA- Phúc trời- tập truyện ngắn       | TN   | 1997 |  |
| 78 | 104 | Câu chuyện phiêu lưu                        | ĐN   |      |  |
| 79 | 105 | Prôxpe Merime- Carmen                       | VHHN | 1994 |  |
| 80 | 106 | NGUYỄN AN- nhà văn của các em               | VH   | 1996 |  |
| 81 | 107 | Tiểu thư nhu đạo                            | BT   | 1996 |  |

|     |     |                                                  |       |      |  |
|-----|-----|--------------------------------------------------|-------|------|--|
| 82  | 108 | Cắm cườ                                          |       |      |  |
| 83  | 109 | I-ô-xíp Lích-xta-nốp Cô- xchi-a Lin              | CV    |      |  |
| 84  | 110 | Ghi chép về Tây Nguyên                           | TPM   | 1979 |  |
| 85  | 111 | A.x. Puskin                                      | ĐH    | 1986 |  |
| 86  | 112 | TRINH QUANG CƯU- Hoa tím đường xa                | HNV   | 2008 |  |
| 87  | 113 | VŨ DƯƠNG QUỶ- Bên dòng Nậm Nà                    | HN    | 1996 |  |
| 88  | 114 | VŨ ĐỨC PHÚC- Đi- đơ- rô                          | VH    | 1986 |  |
| 89  | 115 | Vua không vương quốc                             | TDTT  | 1986 |  |
| 90  | 116 | Tháp bút mười năm                                | TG    | 2006 |  |
| 91  | 117 | Mùa xuân của một thiên tài                       | TN    | 1987 |  |
| 92  | 118 | Triển lãm hoa hồng                               | VH    | 1985 |  |
| 93  | 119 | Puskin                                           | SK    | 1987 |  |
| 94  | 120 | Nhóm đặc nhiệm nhà c21                           | HN    | 2001 |  |
| 95  | 121 | Bản tự truyện của bà                             | PN    | 1986 |  |
| 96  | 122 | Tình chị duyên em                                | LĐ    | 1993 |  |
| 97  | 123 | Vũ điệu trên đấu trường                          | KĐ    | 2002 |  |
| 98  | 124 | Bí ẩn dưới công trình                            | KHKT  | 1997 |  |
| 99  | 125 | Những giải vàng cuộc thi viết thư quốc tế UPU    | DT    | 2000 |  |
| 100 | 126 | Những giải vàng cuộc thi viết thư quốc tế UPU    | DT    | 2000 |  |
| 101 | 127 | Người lái máy kéo                                | LĐ    | 1979 |  |
| 102 | 128 | Chân dung người chiến thắng                      | TPM   | 1977 |  |
| 103 | 129 | Đi bên một vì sao                                | KĐ    | 1976 |  |
| 104 | 130 | Một giờ với đồng chí HCM                         | TN    |      |  |
| 105 | 131 | Sác-li Sa- plin                                  | VH    | 1981 |  |
| 106 | 132 | 5 ý tưởng vĩ đại nhất trong khoa học             | DT    | 2015 |  |
| 107 | 133 | 5 vấn đề lớn nhất hành tinh chưa được giải quyết | DT    | 2015 |  |
| 108 | 134 | Niềm vui sáng tạo                                | D TỘC | 2015 |  |
| 109 | 135 | Niềm vui sáng tạo                                | D TỘC | 2015 |  |
| 110 | 136 | BT hình học cho HS THCS                          | TTTT  | 2016 |  |

|     |     |                      |    |      |  |
|-----|-----|----------------------|----|------|--|
| 111 | 137 | Gọi tên hạt của chúa | KĐ | 2018 |  |
|-----|-----|----------------------|----|------|--|

|     |     |                                              |      |      |  |
|-----|-----|----------------------------------------------|------|------|--|
| 112 | 138 | Con mèo của Sehrodinge và qur táo của Niwton | KĐ   | 2018 |  |
| 113 | 139 | Những câu đố tư duy và logic                 | TTTT | 2018 |  |
| 114 | 140 | Bí ẩn bầu trời sao                           | TTTT | 2018 |  |
| 115 | 141 | 165 bài toán hay cho trẻ em và người lớn     | TG   | 2016 |  |
| 116 | 142 | Các bài giảng về toán cho Minella            | KĐ   | 2016 |  |
| 117 | 143 | Vật lí vui t1                                | KĐ   | 2018 |  |
| 118 | 144 | Bí ẩn cơ thể người                           | TTTT | 2018 |  |
| 119 | 145 | Bí ẩn cơ thể người                           | DT   | 2018 |  |
| 120 | 146 | BT số học và đại số chọn lọc cho HSTHCS      | KĐ   | 2016 |  |
| 121 | 147 | Toy story                                    | KĐ   | 2014 |  |
| 122 | 148 | Thông minh hơn                               | KĐ   | 2017 |  |
| 123 | 149 | Những điều cực đỉnh về toán học              | KĐ   | 2014 |  |
| 124 | 150 | Các cách hay để cải thiện Tiếng anh          | KĐ   | 2017 |  |
| 125 | 151 | Bên ngoài thế giới này                       | KĐ   | 2011 |  |
| 126 | 152 | Người gác đèn biển                           | KĐ   | 2017 |  |
| 127 | 153 | Những tấm lòng cao cả                        | KĐ   | 2018 |  |
| 128 | 154 | Những tấm lòng cao cả                        | KĐ   | 2018 |  |
| 129 | 155 | Lớn lên trên đảo vắng                        | VH   | 2018 |  |
| 130 | 156 | Lớn lên trên đảo vắng                        | VH   | 2018 |  |
| 131 | 157 | Những chuyện phiêu lưu của cáo Renard        | KĐ   | 2016 |  |
| 132 | 158 | Những chuyện phiêu lưu của cáo Renard        | KĐ   | 2016 |  |
| 133 | 159 | Rượt đuổi                                    | KĐ   | 2016 |  |
| 134 | 160 | Rôbinson Cruxo                               | KĐ   | 2017 |  |
| 135 | 161 | Hai vạn dặm dưới biển                        | KĐ   | 2018 |  |
| 136 | 162 | Bác sĩ Abôlit                                | KĐ   | 2018 |  |
| 137 | 163 | Bác sĩ Abôlit                                | KĐ   | 2018 |  |
| 138 | 164 | Hoàng tử bé                                  | QGHN | 2016 |  |

|     |     |                      |    |      |  |
|-----|-----|----------------------|----|------|--|
| 139 | 165 | Gia đình Mumi ở biển | KĐ | 2016 |  |
|-----|-----|----------------------|----|------|--|

|     |     |                                                   |      |      |  |
|-----|-----|---------------------------------------------------|------|------|--|
| 140 | 166 | Chiếc chìa khóa vàng hay chuyện li kì của Buratin | KĐ   | 2017 |  |
| 141 | 167 | Giấc mơ cối xay gió                               | KĐ   | 2017 |  |
| 141 | 168 | Để trở thành Sherlock Homes                       | KĐ   | 2018 |  |
| 143 | 169 | Vương quốc xe hơi                                 | DT   | 2014 |  |
| 144 | 170 | Những chuyện ngụ ngôn hay nhất                    | KĐ   | 2017 |  |
| 145 | 171 | Cánh buồm đỏ thắm                                 | KĐ   | 2018 |  |
| 146 | 172 | Đảo giấu vàng                                     | KĐ   | 2018 |  |
| 147 | 173 | Cậu bé và chú chó nhỏ                             | KĐ   | 2016 |  |
| 148 | 174 | Nhật kí người sói nhút nhát                       | KĐ   | 2017 |  |
| 149 | 175 | Những cao thủ tình cờ                             | KĐ   | 2017 |  |
| 150 | 176 | Nhật kí ma cà rồng nhút nhát                      | KĐ   | 2017 |  |
| 151 | 177 | Nhật kí ma cà rồng nhút nhát                      | KĐ   | 2017 |  |
| 152 | 178 | Nhật kí ma cà rồng nhút nhát                      | KĐ   | 2017 |  |
| 153 | 179 | Pháp sư siêu phàm                                 | QGHN | 2017 |  |
| 154 | 180 | Pháp sư siêu phàm                                 | QGHN | 2017 |  |
| 155 | 181 | Trong gia đình                                    | KĐ   | 2017 |  |
| 156 | 182 | Hoàng tử hạnh phúc- Ngôi nhà thạch lựu            | KĐ   | 2018 |  |
| 157 | 183 | Alice ở xứ sở trong gương                         | KĐ   | 2017 |  |
| 158 | 184 | Hoàng tử nhỏ và chú bé nghèo khổ                  | KĐ   | 2017 |  |
| 158 | 185 | Hoàng tử nhỏ và chú bé nghèo khổ                  | KĐ   | 2015 |  |
| 160 | 186 | Rico, Oskar và những bóng đen bí ẩn               | KĐ   | 2015 |  |
| 161 | 187 | Rico, Oskar và những bóng đen bí ẩn               | KĐ   | 2017 |  |
| 162 | 188 | Nữ hoàng băng giá                                 | KĐ   | 2015 |  |
| 163 | 189 | Kính vạn hoa 1                                    | KĐ   | 2015 |  |
| 164 | 190 | Kính vạn hoa 2                                    | KĐ   | 2015 |  |
| 165 | 191 | Kính vạn hoa 3                                    | KĐ   | 2015 |  |
| 166 | 192 | Kính vạn hoa 4                                    | KĐ   | 2015 |  |

|     |     |                |    |      |  |
|-----|-----|----------------|----|------|--|
| 167 | 193 | Kính vạn hoa 5 | KĐ | 2015 |  |
|-----|-----|----------------|----|------|--|

|     |     |                                               |    |      |  |
|-----|-----|-----------------------------------------------|----|------|--|
| 168 | 194 | Kính vạn hoa 6                                | KĐ | 2015 |  |
| 169 | 195 | Kính vạn hoa 7                                | KĐ | 2015 |  |
| 170 | 196 | Kính vạn hoa 8                                | KĐ | 2015 |  |
| 171 | 197 | Kính vạn hoa 9                                | KĐ | 2015 |  |
| 172 | 198 | Kính vạn hoa 10                               | KĐ | 2015 |  |
| 173 | 199 | Kính vạn hoa 11                               | KĐ | 2015 |  |
| 174 | 200 | Những truyện hay viết cho thiếu nhi- Phạm Hồ  | KĐ | 2017 |  |
| 175 | 201 | Những truyện hay viết cho TN- Nguyễn Hồng     | KĐ | 2017 |  |
| 176 | 202 | Những truyện hay viết cho TN- Nguyễn Hồng     | KĐ | 2017 |  |
| 177 | 203 | Những truyện hay viết cho thiếu nhi- Võ Quảng | KĐ | 2018 |  |
| 178 | 204 | Những truyện hay viết cho TN- Ma văn Kháng    | KĐ | 2018 |  |
| 179 | 205 | Đừng giẫm lên cỏ                              | KĐ | 2017 |  |
| 180 | 206 | Khúc ca của những nàng tiên cá                | KĐ | 2016 |  |
| 181 | 207 | Thì thầm cùng giọt sương                      | KĐ | 2017 |  |
| 182 | 208 | Mật thư trên ngọn đa                          | KĐ | 2018 |  |
| 183 | 209 | Chú chó đợi chờ                               | KĐ | 2018 |  |
| 184 | 210 | Chú mèo trưởng ga                             | KĐ | 2018 |  |
| 185 | 211 | Người hang sói                                | KĐ | 2018 |  |
| 186 | 212 | Truyện cổ tích bây giờ                        | KĐ | 2018 |  |
| 187 | 213 | Yêu thương xa, yêu thương gần                 | KĐ | 2016 |  |
| 188 | 214 | Ngoảnh nhìn ấu thơ                            | KĐ | 2018 |  |
| 189 | 215 | Mùa hè trên núi                               | KĐ | 2017 |  |
| 190 | 216 | Những hốc nhà bí hiểm                         | KĐ | 2017 |  |
| 191 | 217 | Cậu nhóc muốn gì được nấy                     | KĐ | 2018 |  |
| 192 | 218 | Bình yên bóng mẹ                              | KĐ | 2018 |  |
| 193 | 218 | Xin đừng quên nhau                            | KĐ | 2016 |  |
| 194 | 220 | Chỉ thấy mây trời                             | KĐ | 2017 |  |

|     |     |           |    |      |  |
|-----|-----|-----------|----|------|--|
| 195 | 221 | Chó hoang | KĐ | 2017 |  |
|-----|-----|-----------|----|------|--|

|     |     |                                            |     |      |  |
|-----|-----|--------------------------------------------|-----|------|--|
| 196 | 222 | Chó hoang                                  | KĐ  | 2017 |  |
| 197 | 223 | Ngôi nhà xưa                               | KĐ  | 2017 |  |
| 198 | 224 | Ngôi nhà bánh kem                          | KĐ  | 2016 |  |
| 199 | 225 | Những hóc nhà bí hiểm                      | KĐ  | 2018 |  |
| 200 | 226 | Mái trường xưa                             | KĐ  | 2018 |  |
| 201 | 227 | Một thiên năm mộng                         | KĐ  | 2015 |  |
| 202 | 228 | Khúc đồng dao lăm lạp                      | KĐ  | 2015 |  |
| 203 | 229 | Đội mặt trời                               | KĐ  | 2015 |  |
| 204 | 230 | Thủ tướng nhí                              | KĐ  | 2018 |  |
| 205 | 231 | Công chúa tóc mây                          | DT  | 2018 |  |
| 206 | 232 | Mùa hè kì thú                              | KĐ  | 2018 |  |
| 207 | 233 | Cát cháy                                   | KĐ  | 2016 |  |
| 208 | 234 | Cậu bạn tí hon                             | KĐ  | 2018 |  |
| 209 | 235 | Chuyện con mèo dạy hải âu bay              | HNV | 2018 |  |
| 210 | 236 | Con ngỗng nhà ông Bảy                      | KĐ  | 2017 |  |
| 211 | 237 | Mật thư trên ngọn đa                       | KĐ  | 2018 |  |
| 212 | 238 | Đi câu cùng tổng thống                     | KĐ  | 2016 |  |
| 213 | 239 | Góc nhỏ yêu thương                         | KĐ  | 2018 |  |
| 214 | 240 | Xa xóm mũi                                 | KĐ  | 2017 |  |
| 215 | 241 | Mùa đông huyền bí                          | KĐ  | 2017 |  |
| 216 | 242 | Bất ngờ lia lịa                            | KĐ  | 2017 |  |
| 217 | 243 | Khu tập thể có giàn hoa tím                | KĐ  | 2018 |  |
| 218 | 244 | Mùa hái quả                                | KĐ  | 2017 |  |
| 219 | 245 | Mưa cánh mồi và cây sáo thiếc              | KĐ  | 2018 |  |
| 220 | 246 | Những đám mây kể chuyện                    | KĐ  | 2016 |  |
| 221 | 247 | Khi quá buồn hãy tưới nước cho một cái cây | KĐ  | 2018 |  |
| 222 | 248 | Nhìn nhau trong nắng                       | KĐ  | 2016 |  |

|     |     |                   |    |      |  |
|-----|-----|-------------------|----|------|--|
| 223 | 249 | Nhím ời ngủ ngoan | KĐ | 2017 |  |
|-----|-----|-------------------|----|------|--|

|     |     |                                |    |      |  |
|-----|-----|--------------------------------|----|------|--|
| 224 | 250 | Đi qua những mùa vàng          | KĐ | 2017 |  |
| 225 | 251 | Thì thầm tiếng cát             | KĐ | 2017 |  |
| 226 | 252 | Tôi Muốn hỏi em về sau thế nào | KĐ | 2018 |  |
| 227 | 253 | Học cách ứng xử                | KĐ | 2018 |  |
| 228 | 254 | Học cách làm việc              | KĐ | 2018 |  |
| 229 | 255 | Học cách làm người             | KĐ | 2018 |  |
| 230 | 256 | Học cách học tập               | KĐ | 2018 |  |
| 231 | 257 | Ước gì mình biết được          | KĐ | 2017 |  |
| 232 | 258 | Sự thật giật mình              | KĐ | 2017 |  |
| 233 | 259 | Sự thật giật mình              | KĐ | 2017 |  |
| 234 | 260 | Êđison                         | KĐ | 2017 |  |
| 235 | 261 | Magel Lan                      | KĐ | 2017 |  |
| 236 | 262 | Bewjamin Franklin              | KĐ | 2015 |  |
| 237 | 263 | Charler Darwin                 | KĐ | 2016 |  |
| 238 | 264 | Archimeder                     | KĐ | 2016 |  |
| 239 | 265 | Magel Lan                      | KĐ | 2017 |  |
| 240 | 266 | Học cách hoàn thiện bản thân   | KĐ | 2017 |  |
| 241 | 267 | Học cách hoàn thiện bản thân   | KĐ | 2017 |  |
| 242 | 268 | Học cách hoàn thiện bản thân   | KĐ | 2017 |  |
| 243 | 269 | Học kĩ năng nói                | KĐ | 2018 |  |
| 244 | 270 | Học kĩ năng nói                | KĐ | 2018 |  |
| 245 | 271 | Học kĩ năng nói                | KĐ | 2018 |  |
| 246 | 272 | Học kĩ năng thành công         | KĐ | 2017 |  |
| 247 | 273 | Học kĩ năng thành công         | KĐ | 2017 |  |
| 248 | 274 | Học kĩ năng thành công         | KĐ | 2017 |  |
| 249 | 275 | Học cho ai? Học để làm gì?     | KĐ | 2018 |  |
| 250 | 276 | Học cho ai? Học để làm gì?     | KĐ | 2018 |  |

|     |     |                         |    |      |  |
|-----|-----|-------------------------|----|------|--|
| 251 | 277 | Sự bành trướng của CNDQ | KĐ | 2018 |  |
|-----|-----|-------------------------|----|------|--|

|     |     |                                            |    |      |  |
|-----|-----|--------------------------------------------|----|------|--|
| 252 | 278 | Phong trào đấu tranh giành độc lập và GPDT | KĐ | 2018 |  |
| 253 | 279 | Kể chuyện thể chiến I                      | KĐ | 2017 |  |
| 254 | 280 | Kể chuyện thể chiến II                     | KĐ | 2017 |  |
| 255 | 281 | Yết Kiêu dã tượng                          | KĐ | 2018 |  |
| 256 | 282 | Lê Lai liều mình cứu chúa                  | KĐ | 2018 |  |
| 257 | 283 | Triệu Việt Vương                           | KĐ | 2018 |  |
| 258 | 284 | Trần Khánh Dư                              | KĐ | 2018 |  |
| 259 | 285 | Trần Nhân Tông                             | KĐ | 2018 |  |
| 260 | 286 | Thế giới rộng mở                           | DT | 2016 |  |
| 261 | 287 | Vũ khí chiến tranh                         | DT | 2016 |  |
| 262 | 288 | Thời đại bùng nổ ý tưởng                   | DT | 2016 |  |
| 263 | 289 | Hướng tới tương lai                        | DT | 2016 |  |
| 264 | 290 | Các nhà phát minh vĩ đại                   | DT | 2016 |  |
| 265 | 291 | Máy móc dưới nước                          | DT | 2016 |  |
| 266 | 292 | Kỹ thuật thủa ban sơ                       | DT | 2016 |  |
| 267 | 293 | Không gian vũ trụ                          | DT | 2016 |  |
| 268 | 294 | Phát minh công nghệ cao                    | DT | 2016 |  |
| 269 | 295 | Những kì tích y học                        | DT | 2016 |  |
| 270 | 296 | Những phát kiến mới                        | DT | 2016 |  |
| 271 | 297 | Sáng chế công cụ                           | DT | 2016 |  |
| 272 | 298 | Anh em nhà Lumiere                         | DT | 2017 |  |
| 273 | 299 | Anh em nhà Lumiere                         | DT | 2017 |  |
| 275 | 300 | Anh em nhà Lumiere                         | DT | 2017 |  |
| 275 | 301 | Jamer Watt                                 | DT | 2017 |  |
| 276 | 302 | Jamer Watt                                 | DT | 2017 |  |
| 277 | 303 | Jamer Watt                                 | DT | 2017 |  |
| 278 | 304 | Alfred Nobel                               | DT | 2017 |  |

|     |     |              |    |      |  |
|-----|-----|--------------|----|------|--|
| 279 | 305 | Alfred Nobel | DT | 2017 |  |
|-----|-----|--------------|----|------|--|

|     |     |                                                |    |      |  |
|-----|-----|------------------------------------------------|----|------|--|
| 280 | 306 | Alfred Nobel                                   | DT | 2017 |  |
| 281 | 307 | Áaac Newton                                    | DT | 2017 |  |
| 282 | 308 | Áaac Newton                                    | DT | 2017 |  |
| 283 | 309 | Áaac Newton                                    | DT | 2017 |  |
| 284 | 310 | Charles Darwin                                 | DT | 2017 |  |
| 285 | 311 | Charles Darwin                                 | DT | 2017 |  |
| 286 | 312 | Charles Darwin                                 | DT | 2017 |  |
| 287 | 313 | Ươm mầm tài năng toán học                      | DT | 2016 |  |
| 288 | 314 | Ươm mầm tài năng toán học                      | DT | 2016 |  |
| 289 | 315 | Tiến hóa- Bước ngoặt trong nhận thức nhân loại | DT | 2015 |  |
| 290 | 316 | Từ điển toán học                               | DT | 2016 |  |
| 291 | 317 | Lịch sử đồng tiền                              | DT | 2015 |  |
| 292 | 318 | Đồng tiền- Những bài học đầu tiên              | DT | 2015 |  |
| 293 | 319 | Làm cho đồng tiền của bạn sinh sôi             | DT | 2015 |  |
| 294 | 320 | Làm cho đồng tiền của bạn sinh sôi             | DT | 2015 |  |
| 295 | 321 | Làm cho đồng tiền của bạn sinh sôi             | DT | 2015 |  |
| 296 | 322 | Đồng tiền giàu và nghèo                        | DT | 2015 |  |
| 297 | 323 | Đồng tiền giàu và nghèo                        | DT | 2015 |  |
| 297 | 324 | Đồng tiền giàu và nghèo                        | DT | 2015 |  |
| 299 | 325 | Đồng tiền sức mạnh của chi tiêu                | DT | 2015 |  |
| 300 | 326 | Nghề quản lí tiền                              | DT | 2015 |  |
| 301 | 327 | Nghề quản lí tiền                              | DT | 2015 |  |
| 302 | 328 | Nghề quản lí tiền                              | DT | 2015 |  |
| 303 | 329 | Cún con thương mẹ                              | KĐ | 2013 |  |
| 304 | 330 | Cún con thương mẹ                              | KĐ | 2013 |  |
| 305 | 331 | Cún con thương mẹ                              | KĐ | 2013 |  |
| 306 | 332 | Cún con thương mẹ                              | KĐ | 2013 |  |

|     |     |                   |    |      |  |
|-----|-----|-------------------|----|------|--|
| 307 | 333 | Cún con thương mẹ | KĐ | 2013 |  |
|-----|-----|-------------------|----|------|--|

|     |     |                                |    |      |  |
|-----|-----|--------------------------------|----|------|--|
| 308 | 334 | Cún con thương mẹ              | KĐ | 2013 |  |
| 309 | 335 | Cún con thương mẹ              | KĐ | 2013 |  |
| 310 | 336 | Cún con thương mẹ              | KĐ | 2013 |  |
| 311 | 337 | Cún con thương mẹ              | KĐ | 2013 |  |
| 312 | 338 | Cún con thương mẹ              | KĐ | 2013 |  |
| 313 | 339 | Cún con thương mẹ              | KĐ | 2013 |  |
| 314 | 340 | Cún con thương mẹ              | KĐ | 2013 |  |
| 315 | 341 | Cún con thương mẹ              | KĐ | 2013 |  |
| 316 | 342 | Cún con thương mẹ              | KĐ | 2103 |  |
| 317 | 343 | Cún con thương mẹ              | KĐ | 2013 |  |
| 318 | 344 | Cún con thương mẹ              | KĐ | 2013 |  |
| 319 | 345 | Thương nhớ tuổi thơ            | VN | 2017 |  |
| 320 | 346 | Thương nhớ tuổi thơ            | VN | 2017 |  |
| 321 | 347 | Thương nhớ tuổi thơ            | VN | 2017 |  |
| 322 | 348 | Thương nhớ tuổi thơ            | VN | 2017 |  |
| 323 | 349 | Thương nhớ tuổi thơ            | VN | 2017 |  |
| 324 | 350 | Thương nhớ tuổi thơ            | VN | 2017 |  |
| 325 | 351 | Thương nhớ tuổi thơ            | VN | 2017 |  |
| 326 | 352 | Thương nhớ tuổi thơ            | VN | 2017 |  |
| 327 | 353 | Thương nhớ tuổi thơ            | VN | 2017 |  |
| 328 | 354 | Thương nhớ tuổi thơ            | VN | 2017 |  |
| 329 | 355 | Thương nhớ tuổi thơ            | VN | 2017 |  |
| 330 | 356 | Thương nhớ tuổi thơ            | VN | 2017 |  |
| 331 | 357 | Thương nhớ tuổi thơ            | VN | 2017 |  |
| 332 | 358 | Suy ngẫm về chức năng giáo dục | TH | 2018 |  |
| 333 | 359 | Suy ngẫm về chức năng giáo dục | TH | 2018 |  |
| 334 | 360 | Suy ngẫm về chức năng giáo dục | TH | 2018 |  |





|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ<br>ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                          | NHÀ XB  | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|------------------|--------------------------------------------------------------|---------|-----------------|---------|
| 1                 | 01               | ĐỖ THỊ BÍCH LOAN- Cẩm nang nữ sinh THCS                      | GD      | 2012            |         |
| 2                 | 02               | HDTH chương trình THCS lớp 8 cho các vùng miền               | GD      | 2004            |         |
| 3                 | 03->04           | TLHD nghiệp vụ tổ chức thi tốt nghiệp THPT, THCS             | GD      | 2003            |         |
| 4                 | 05->07           | Chương trình THCS                                            | GD      | 2002            |         |
| 5                 | 08               | Ngôn ngữ lập trình                                           | GD      | 1998            |         |
| 6                 | 09               | HDSD thư viện                                                | ĐH VINH | 2003            |         |
| 7                 | 10               | TL nghiệp vụ thanh tra GD năm 2008-2009                      | GD      | 2008            |         |
| 8                 | 11               | NGUYỄN ĐỨC KHUÔNG, TRẦN THỊ THÀNH- ôn tập thi lớp 10 môn Văn | GD      | 2009            |         |
| 9                 | 12               | CHU VĂN SƠN- ôn thi lớp 10 môn Văn                           | GD      | 2014            |         |
| 10                | 13               | Hộ họa, đồ họa, điêu khắc                                    | GD      | 1995            |         |
| 11                | 14               | Chương trình THCS môn sử, địa, công dân, HĐNGLL              | GD      | 2002            |         |
| 12                | 15               | Phương pháp dạy học kỹ thuật công nghiệp                     | GD      | 1999            |         |
| 13                | 16               | TL học tập lý luận chính trị phổ thông                       | GD      | 1997            |         |
| 14                | 17               | Kỹ năng công tác thanh niên                                  | GD      | 1995            |         |
| 15                | 18               | Kỹ thuật dạy học địa lý ở trường THCS                        | GD      | 1999            |         |
| 16                | 19               | ĐÀO NHƯ NHƯ- Hướng dẫn thí nghiệm sinh học 7,8               | GD      | 1993            |         |
| 17                | 20               | TLPPCT môn CN                                                | GD      |                 |         |
| 18                | 21               | Kỹ năng công tác thanh niên                                  | GD      | 1995            |         |
| 19                | 22               | Chỉ thị của BTBộ GDvà ĐT về nhiệm vụ năm học                 | GD      | 1999            |         |
| 20                | 23               | PHAN TRỌNG LUẬN- TK bài học tác phẩm văn chương              | GD      | 1999            |         |
| 21                | 24               | Thiết kế văn 8 t1                                            | GD      | 1996            |         |

|    |    |                 |    |      |  |
|----|----|-----------------|----|------|--|
| 22 | 25 | HD bài tập TV 8 | GD | 1999 |  |
| 23 | 26 | TL Hóa 8        | GD | 1998 |  |
| 24 | 27 | TL Sử 8         | GD | 1999 |  |
| 25 | 28 | Vở BT đại số    | GD | 1999 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ<br>ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                     | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|------------------|---------------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 26                | 29               | Vở BT Hình 8                                            | GD     | 2001            |         |
| 27                | 30               | PPCT toán, tin                                          | GD     |                 |         |
| 28                | 31               | PPCT hóa                                                | GD     |                 |         |
| 29                | 32               | PPCT hóa                                                | GD     | 2005            |         |
| 30                | 33               | TL dạy học theo chủ đề tự chọn ở trường THCS, tin 8     | GD     |                 |         |
| 31                | 34               | TL dạy học theo chủ đề tự chọn ở trường THCS Mỹ thuật 8 | GD     |                 |         |
| 32                | 35               | TLBDGV dạy SGK lớp 8 môn văn                            | GD     | 2004            |         |
| 33                | 36               | LÊ NHƯ BÌNH- Tập bài giảng HD giáo viên Ngữ văn THCS    | GD     | 2004            |         |
| 34                | 37               | PPCT môn sinh                                           | GD     |                 |         |
| 35                | 38               | Các VB pháp quy hiện hành về thi HSG, thi TN THCS       | GD     |                 |         |
| 36                | 39               | NGUYỄN LÃM- Sổ tay thuật ngữ pháp lý thông dụng         | GD     | 1999            |         |
| 37                | 40               | Tập tính học ĐV                                         | GD     | 1996            |         |
| 38                | 41               | Gia công cắt gọt kim loại                               | GD     | 2000            |         |
| 39                | 42               | CS ứng dụng                                             | GD     | 1999            |         |
| 40                | 43               | TLDH theo chủ đề tự chọn ở trường THCS nhạc 8           | GD     | 1999            |         |
| 41                | 44               | TLDH theo chủ đề tự chọn ở trường THCS lí 8             | GD     | 2003            |         |
| 42                | 45               | TLDH theo chủ đề tự chọn ở trường THCS CN 8             | GD     | 2003            |         |
| 43                | 46               | PT các PP học tập tích cực trong môn sinh học           | GD     | 2000            |         |

|    |        |                                                   |    |      |  |
|----|--------|---------------------------------------------------|----|------|--|
| 44 | 47     | NGUYỄN DƯỢC, TRUNG HẢI- Sổ tay địa danh VN        | GD | 2004 |  |
| 45 | 48     | Trái đất – hành tinh hệ mặt trời                  | GD | 2000 |  |
| 46 | 49     | PP tích cực trong dạy học kĩ thuật nông nghiệp    | GD | 1999 |  |
| 47 | 50     | TLHD cấp sổ BHXH và HS hưởng chế độ BHXH          | HN | 1996 |  |
| 48 | 51     | TL tập huấn ND thi tuyển công chức ngạch GD       | GD | 1999 |  |
| 49 | 52->53 | Thanh Hóa 10 năm phổ cập GD(1996- 2006)           | GD | 2007 |  |
| 50 | 54->55 | HD thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng môn Hóa THCS | GD | 2007 |  |

| TT<br>TÊN | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-----------|---------------|----------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 51        | 56            | HD thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng môn Anh THCS  | GD     | 2009            |         |
| 52        | 57            | HD thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng môn Sử THCS   | GD     | 2009            |         |
| 53        | 58            | HD thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng môn Địa THCS  | GD     | 2009            |         |
| 54        | 59            | HD thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng môn CD THCS   | GD     | 2009            |         |
| 55        | 60->64        | HD thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng môn CN THCS   | GD     | 2009            |         |
| 56        | 65->66        | HD thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng môn Nhạc THCS | GD     | 2009            |         |
| 57        | 67            | HD thực hiện chuẩn kiến thức KN môn Thể dục THCS   | GD     | 2009            |         |
| 58        | 68->69        | HD thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng môn Tin THCS  | GD     | 2009            |         |
| 69        | 70->71        | Chương trình GDPT cấp THCS                         | GD     | 2006            |         |
| 60        | 72            | Chương trình GDPT môn Toán                         | GD     | 2009            |         |
| 61        | 73            | Chương trình GDPT môn Sử                           | GD     | 2009            |         |
| 62        | 74            | Chương trình GDPT Anh                              | GD     | 2009            |         |
| 63        | 75            | Chương trình GDPT môn CD                           | GD     | 2009            |         |
| 64        | 76            | Chương trình GDPT môn CN                           | GD     | 2009            |         |
| 65        | 77            | Chương trình GDPT môn Tin                          | GD     | 2009            |         |
| 66        | 78            | Chương trình GDPT HĐGD nghề PT                     | GD     | 2009            |         |
| 67        | 79            | Chương trình GDPT HĐNGLL                           | GD     | 2009            |         |
| 68        | 80            | Chương trình GDPT HĐHN                             | GD     | 2009            |         |
| 69        | 81            | Hiến pháp nước CHXHCNVN                            | GD     |                 |         |

|    |        |                                                    |    |      |  |
|----|--------|----------------------------------------------------|----|------|--|
| 70 | 82     | PPCT môn Tiếng anh THCS                            | GD | 2000 |  |
| 71 | 83     | PPCT môn Tiếng việt THCS                           | GD | 2000 |  |
| 72 | 84     | PPCT môn GDCD THCS                                 | GD | 1998 |  |
| 73 | 85     | PPCT môn Kỹ thuật THCS                             | GD | 1998 |  |
| 74 | 86->87 | PPCT môn Tiếng anh THCS                            | GD | 1998 |  |
| 75 | 88     | PPCT môn Vật lí THCS                               | GD | 1998 |  |
| 76 | 89     | PPCT môn Sử THCS                                   | GD | 1998 |  |
| 77 | 90->92 | Giúp HS lớp 9 chọn bạn ở trường THCS               | GD | 2007 |  |
| 78 | 93     | Những tình huống pháp luật- TL hỗ trợ cho HS lớp 8 | GD | 2007 |  |

|    |          |                                            |    |      |  |
|----|----------|--------------------------------------------|----|------|--|
| 79 | 94->101  | GD pháp luật về TTATGT dùng cho HSCS, HSPT | GD | 2001 |  |
| 80 | 102->103 | TLPPCT môn Âm nhạc                         | GD | 2001 |  |
| 81 | 104      | TLPPCT môn HỒGDNGLL                        | GD | 2001 |  |
| 82 | 105      | TLPPCT môn GDCD                            | GD | 2001 |  |
| 83 | 106      | TLPPCT môn Tiếng anh                       | GD | 2001 |  |
| 84 | 107      | TLPPCT môn Địa                             | GD | 2001 |  |
| 85 | 108      | TLPPCT môn sử                              | GD | 2001 |  |
| 86 | 109      | TLPPCT môn sinh                            | GD | 2001 |  |
| 87 | 110      | TLPPCT môn sử                              | GD | 2001 |  |
| 88 | 111      | TLPPCT môn CN                              | GD | 2001 |  |
| 89 | 112      | TLPPCT môn TD                              | GD | 2001 |  |
| 90 | 113      | TLPPCT môn Lí                              | GD | 2001 |  |
| 91 | 114      | TLPPCT môn sử                              | GD | 2001 |  |
| 92 | 115      | TLPPCT môn CD                              | GD | 2001 |  |
| 93 | 116->117 | TLPPCT môn Văn                             | GD | 2001 |  |
| 94 | 118      | TLPPCT môn HỒNGLL                          | GD | 2001 |  |
| 95 | 119      | TLPPCT môn Tiếng anh                       | GD | 2001 |  |
| 96 | 120->121 | TLPPCT môn Địa                             | GD | 2001 |  |
| 97 | 122      | TLHTKL Hội nghị TW lần thứ 12 khóa IX      | GD | 2001 |  |

|     |          |                                                 |    |      |  |
|-----|----------|-------------------------------------------------|----|------|--|
| 98  | 123      | Những quy định mới về thi đua khen thưởng tập 1 | GD | 2001 |  |
| 99  | 124      | Những quy định mới về thi đua khen thưởng tập 2 | GD | 2001 |  |
| 100 | 125      | TL dạy học theo chủ đề tự chọn ở trường THCS    | GD | 2001 |  |
| 101 | 125      | Quy chế hoạt động của HĐND các cấp              | GD | 1996 |  |
| 102 | 127->131 | Chương trình THCS                               | GD | 2002 |  |
| 103 | 132      | HD thực hiện chuẩn kiến thức KN môn Anh THCS    | GD | 2009 |  |
| 104 | 133      | Chương trình THCS các môn Toán, Tin             | GD | 2002 |  |
| 105 | 134->135 | Chương trình THCS các môn Văn                   | GD | 2002 |  |
| 106 | 136->137 | Chương trình THCS các môn Anh, Pháp, Nga, TQ    | GD | 2002 |  |
| 107 | 138->139 | Chương trình THCS các môn Sử, Địa, CD, HĐNGLL   | GD | 2003 |  |
| 108 | 140->141 | Chương trình THCS các môn CN, SH, HĐNGLL        | GD | 2002 |  |
| 109 | 142->143 | Chương trình THCS các môn Âm nhạc, MT, TD       | GD | 2002 |  |

|     |          |                                                 |    |      |  |
|-----|----------|-------------------------------------------------|----|------|--|
| 110 | 144      | Chương trình GDPT- Những vấn đề chung           | GD | 2009 |  |
| 111 | 145      | TLHD sử dụng thiết bị dạy học môn lịch sử 6     | GD | 2002 |  |
| 112 | 146      | Những vấn đề chung về đổi mới GDTHCS môn Toán   | GD | 2007 |  |
| 113 | 147->148 | Những vấn đề chung về đổi mới GDTHCS môn Lí     | GD | 2007 |  |
| 114 | 149->150 | Những vấn đề chung về đổi mới GDTHCS môn Sinh   | GD | 2007 |  |
| 115 | 151      | Những vấn đề chung về đổi mới GDTHCS môn Sử     | GD | 2007 |  |
| 116 | 152->153 | Những vấn đề chung về đổi mới GDTHCS môn GDCD   | GD | 2007 |  |
| 117 | 154      | Những vấn đề chung về đổi mới GDTHCS môn Hóa    | GD | 2007 |  |
| 118 | 155      | Những vấn đề chung về đổi mới GDTHCS môn TD     | GD | 2007 |  |
| 119 | 156      | Những vấn đề chung về đổi mới GDTHCS môn CN     | GD | 2007 |  |
| 120 | 157      | Những vấn đề chung về đổi mới GDTHCS môn Tin    | GD | 2007 |  |
|     | 158      | Những vấn đề chung về đổi mới GDTHCS môn HĐNGLL | GD | 2007 |  |
| 121 | 159      | Một số vấn đề đổi mới PPDH môn Văn THCS         | GD | 2008 |  |
| 122 | 160      | Một số vấn đề đổi mới PPDH môn CN THCS          | GD | 2008 |  |
| 123 | 161      | Một số vấn đề đổi mới PPDH môn Sử THCS          | GD | 2008 |  |
| 124 | 162      | Một số vấn đề đổi mới PPDH môn Sinh THCS        | GD | 2008 |  |

|     |     |                                               |    |      |  |
|-----|-----|-----------------------------------------------|----|------|--|
| 125 | 163 | Một số vấn đề đổi mới PPDH môn lí THCS        | GD | 2008 |  |
| 126 | 164 | Một số vấn đề đổi mới PPDH môn tiếng Nga THCS | GD | 2008 |  |
| 127 | 165 | Một số vấn đề đổi mới PPDH môn Pháp THCS      | GD | 2008 |  |
| 128 | 166 | Một số vấn đề đổi mới PPDH môn Nhạc THCS      | GD | 2008 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                             | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|-------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 129               | 167->168      | Một số vấn đề đổi mới PPDH môn MT, ÂN, TD       | GD     | 2004            |         |
| 130               | 169           | Một số vấn đề đổi mới PPDH môn GDCD             | GD     | 2008            |         |
| 131               | 170->172      | TLBDTX cho GV THCS môn sử                       | GD     | 2006            |         |
| 132               | 173           | TLBDTX cho GV THCS môn công nghệ                | GD     | 2006            |         |
| 133               | 174->175      | TLBDTX cho GV THCS môn vật lí                   | GD     | 2007            |         |
| 134               | 176->178      | TLBDTX cho GV THCS môn sinh                     | GD     | 2007            |         |
| 135               | 179           | TLBDTX cho GV THCS môn hóa                      | GD     | 2007            |         |
| 136               | 180           | TLBDTX cho GV THCS môn môi trường               | GD     | 2006            |         |
| 137               | 181           | TLBDTX cho GV THCS môn thể dục                  | GD     | 2006            |         |
| 138               | 182           | TLBDTX cho GV THCS môn công nghệ                | GD     | 2007            |         |
| 139               | 183->186      | Thiết kế DH ngữ văn địa phương cho cấp THCS     | TH     | 2007            |         |
| 140               | 187->188      | TL kiến thức địa phương môn địa lí              | GD     | 2007            |         |
| 141               | 189           | Một số vấn đề đổi mới PPDH môn lí, hóa, sinh    | GD     | 2004            |         |
| 142               | 190           | GD kĩ năng sống trong HĐNGLL ở THCS dành cho GV | GD     | 2010            |         |
| 143               | 191           | GD kĩ năng sống môn GDCD ở THCS dành cho GV     | GD     | 2010            |         |
| 144               | 192->193      | GD kĩ năng sống môn địa ở THCS dành cho GV      | GD     | 2010            |         |
| 145               | 194           | GD kĩ năng sống môn Ngữ văn ở THCS dành cho GV  | GD     | 2010            |         |

|     |          |                                                 |    |      |  |
|-----|----------|-------------------------------------------------|----|------|--|
| 146 | 195->196 | GD kĩ năng sống trong HĐNGLL ở THCS dành cho GV | GD | 2010 |  |
| 147 | 197      | GD kĩ năng sống môn GD CD ở THCS dành cho GV    | GD | 2010 |  |
| 148 | 198->199 | GD kĩ năng sống môn sinh ở THCS dành cho GV     | GD | 2010 |  |
| 149 | 200->201 | TLBDTX cho GV THCS                              | GD | 2010 |  |
| 150 | 202      | Tìm hiểu luật GD 2005                           | GD | 2005 |  |
| 151 | 203      | TLBDTX cho GV THCS HĐNGLL                       | GD | 2007 |  |
| 152 | 204      | TL hướng dẫn giảng dạy về DS cho GVTHCS         | GD | 1995 |  |
| 153 | 205      | Một số vấn đề cơ bản về GD dân số               | GD | 1997 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                            | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 154               | 206           | GD TTATGT cho học sinh THCS và THPT            | GD     | 2005            |         |
| 155               | 207           | PISA và các dạng câu hỏi                       | GD     | 2012            |         |
| 156               | 208           | Thư viện câu hỏi kiểm tra                      | GD     | 2012            |         |
| 157               | 209           | Một số vấn đề về phòng học bộ môn              | GD     | 2012            |         |
| 158               | 210           | TLBDTX cho GV THCS môn địa                     | GD     | 2007            |         |
| 159               | 211           | TLDH theo chủ đề tự chọn ở THCS môn tin        | GD     | 2004            |         |
| 160               | 212->213      | TLDH theo chủ đề tự chọn ở THCS môn kĩ thuật 8 | GD     | 2004            |         |
| 161               | 214->215      | TLBDTX cho GV THCS môn văn                     | GD     | 2007            |         |
| 162               | 216->217      | TLBDTX cho GV THCS môn GD CD                   | GD     | 2007            |         |
| 163               | 218           | TLBDTX cho GV THCS môn anh                     | GD     | 2007            |         |
| 164               | 219           | PP đánh giá HS khuyết tật cấp THCS             | GD     | 2012            |         |
| 165               | 220           | PP đánh giá HS khiếm thính THCS                | GD     | 2012            |         |
| 166               | 221           | PP đánh giá HS khiếm thị THCS                  | GD     | 2012            |         |
| 167               | 222           | PP đánh giá HS khuyết tật ngôn ngữ THCS        | GD     | 2012            |         |
| 168               | 223->224      | PHẠM TẮT ĐANG- Tư vấn hướng nghiệp cho HS THCS | GD     | 2012            |         |
| 169               | 225->232      | LUU ĐỨC HẠNH- Em tự đánh giá kiến thức văn 6   | GD     | 2006            |         |
| 170               | 233->234      | TL dạy học kiến thức địa phương văn sử 6       | GD     | 2006            |         |

|     |          |                                                 |    |      |  |
|-----|----------|-------------------------------------------------|----|------|--|
| 171 | 235      | TLBDTX cho GV THCS môn văn                      | GD | 2007 |  |
| 172 | 236->241 | VŨ NHO- KTĐG thường xuyên và định kì văn 6 THCS | GD | 2008 |  |
| 173 | 242->248 | Đề học tốt Ngữ văn 6                            | GD | 2002 |  |
| 174 | 249->250 | SGV môn sử 6                                    | GD | 2002 |  |
| 175 | 251->254 | SGV môn địa 6                                   | GD | 2002 |  |
| 176 | 255->260 | SGV môn GDCD 6                                  | GD | 2002 |  |
| 177 | 261->262 | Thiết kế bài giảng GDCD 6                       | GD | 2004 |  |
| 178 | 263      | PHẠM THỊ SEN- KTĐGTX và định kì môn địa 6       | GD | 2008 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                              | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|--------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 179               | 264->266      | NGUYỄN THỊ CHI- Bài tập bổ trợ và nâng cao Anh 6 | GD     | 2005            |         |
| 180               | 267           | Học tốt Anh 6                                    | ĐN     | 2002            |         |
| 181               | 268           | BT nâng cao Anh 6                                | GD     | 1998            |         |
| 182               | 269->270      | NGUYỄN MINH HOÀI- TK bài giảng Anh THCS 6        | GD     | 2003            |         |
| 183               | 271           | SGV môn Mỹ thuật 6                               | GD     | 2002            |         |
| 184               | 272->273      | SGV môn Anh 6                                    | GD     | 2002            |         |
| 185               | 274->277      | SGV môn Âm nhạc 6                                | GD     | 2002            |         |
| 186               | 278           | SGV môn Thể dục 6                                | GD     | 2002            |         |
| 187               | 279           | Vở bài tập toán 6                                | GD     | 2001            |         |
| 188               | 280           | Bài tập toán 6                                   | GD     | 1994            |         |
| 189               | 281           | SGV môn Công nghệ 6                              | GD     | 2002            |         |
| 190               | 282           | NGUYỄN NGỌC ĐẶNG- Ôn tập Toán 6                  | GD     | 2003            |         |
| 191               | 283           | Một số vấn đề đổi mới PPDH THCS môn Toán 6       | GD     | 2004            |         |
| 192               | 284           | Giải BT Toán 6 tập 1                             | ĐN     | 2002            |         |
| 193               | 285->286      | Nâng cao và PT Toán 6 tập 1                      | GD     | 2004            |         |
| 194               | 287           | SGV môn Toán 6                                   | GD     | 2002            |         |
| 195               | 288           | Nâng cao và PT Toán 6 tập 1                      | GD     | 2004            |         |

|     |     |                                                  |      |      |  |
|-----|-----|--------------------------------------------------|------|------|--|
| 196 | 289 | Chuyên đề BDHSG Toán THCS                        | GD   | 2004 |  |
| 197 | 290 | Một số vấn đề đổi mới PPDH THCS môn Toán 6       | GD   | 1999 |  |
| 198 | 291 | NGUYỄN ANH THI- Bài tập trắc nghiệm lí 6         | GD   | 2004 |  |
| 199 | 292 | Bài tập chọn lọc lí 6                            | GD   | 2003 |  |
| 200 | 293 | TRẦN XUÂN NHĨ- Giáo trình bài giảng của GVG lí 6 | ĐHSP | 2003 |  |
| 201 | 294 | Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm lí 6              | GD   | 2003 |  |
| 202 | 295 | Thiết kế bài giảng Lí 6                          | QGHN | 2002 |  |
| 203 | 296 | SGV môn Lí 6                                     | GD   | 2005 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                           | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|-----------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 204               | 297->298      | SGV môn Sinh 6                                | GD     | 2002            |         |
| 205               | 299           | SGV môn Toán 6                                | GD     | 2002            |         |
| 206               | 300           | HOÀNG THỊ SẢN- HD học và ôn tập Sinh 6        | GD     | 2003            |         |
| 207               | 301->303      | VŨ THẾ HỮU- Toán cơ bản và nâng cao THCS 6    | GD     | 2002            |         |
| 208               | 304           | Tư liệu Sinh học 6                            | GD     | 2003            |         |
| 209               | 305           | Đề kiểm tra theo kiến thức Sinh 6             | GD     | 2011            |         |
| 210               | 306           | NGUYỄN PHƯƠNG NGÀ- Đề kiểm tra theo KT Sinh 6 | GD     | 2008            |         |
| 211               | 307           | Đề kiểm tra học kì cấp THCS 6                 | GD     | 2007            |         |
| 212               | 308->309      | Giáo trình tin học căn bản                    | GD     | 2009            |         |
| 213               | 310->311      | Đề học tốt Toán 6                             | GD     | 1997            |         |
| 214               | 312           | NGUYỄN NGỌC ĐẠM- Toán nâng cao THCS 6         | ĐHQGHN | 2000            |         |
| 215               | 313           | NGUYỄN THỊ CHINH- Bài tập bổ trợ Anh 6        | GD     | 2008            |         |
| 216               | 314->316      | NGUYỄN HỮU CƯƠNG – Đề KT theo chuẩn KTKN 6    | GD     | 2011            |         |
| 217               | 317->318      | SGV môn HĐNGLL 6                              | GD     | 2002            |         |
| 218               | 319->333      | SGV môn Ngữ văn 7                             | GD     | 2003            |         |
| 219               | 334           | LÊ XUÂN SOAN- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 7    | GD     | 2003            |         |
| 220               | 335->343      | TRƯỜNG DĨNH- Thiết kế dạy học Ngữ văn 7       | GD     | 2003            |         |

|     |          |                                            |    |      |  |
|-----|----------|--------------------------------------------|----|------|--|
| 221 | 344->345 | Hệ thống đọc hiểu văn bản văn 7            | GD | 2004 |  |
| 222 | 346->347 | LUU ĐỨC HẠNH- Em tự đánh giá KT Ngữ văn 7  | GD | 2004 |  |
| 223 | 348      | VŨ NHO- Bài tập rèn kỹ năng tích hợp văn 7 | GD | 2004 |  |
| 224 | 349      | ĐỖ NGỌC THỐNG- BT trắc nghiệm Ngữ văn 7    | GD | 2004 |  |
| 225 | 350      | NGUYỄN TRỌNG HOÀN- Dạy học Ngữ văn 7       | GD | 2004 |  |
| 226 | 351      | Học tốt văn 7                              | GD | 2017 |  |
| 227 | 352      | NGUYỄN THÚY HỒNG- Đề kiểm tra văn 7        | GD | 2011 |  |
| 228 | 353->354 | SGV môn Địa lí                             | GD | 2003 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                  | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|------------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 229               | 355           | NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG- Đề kiểm tra lịch sử 7            | GD     | 2011            |         |
| 230               | 356->357      | LÊ XUÂN ĐÔNG- Chương trình địa phương văn 6,7        | GD     | 2016            |         |
| 231               | 358->362      | TL dạy học kiến thức địa phương văn, sử 7            | TH     | 2006            |         |
| 232               | 363->365      | CHU QUANG BÌNH- Thiết kế bài giảng anh THCS 7        | HN     | 2003            |         |
| 233               | 366           | Một số vấn đề đổi mới PPDH ở THCS môn Lí, Sinh, CN 7 | GD     | 2004            |         |
| 234               | 367           | NGUYỄN THỊ CHI- Bài tập bổ trợ nâng cao anh 7        | GD     | 2004            |         |
| 235               | 368           | Kiểm tra và đánh giá thường xuyên và định kì sử 7    | GD     | 2000            |         |
| 236               | 369->370      | SGV Tiếng anh 7                                      | GD     | 2003            |         |
| 237               | 371           | Kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì anh 7      | GD     | 2008            |         |
| 238               | 372           | Đề kiểm tra anh 7                                    | GD     | 2011            |         |
| 239               | 373->374      | HỒ THANH ĐIỆN- Thiết kế bài giảng Công dân 7 THCS    | GD     | 2004            |         |
| 240               | 375->376      | SGV môn công dân 7                                   | GD     | 2003            |         |
| 241               | 377           | Kiểm tra và đánh giá thường xuyên và định kì Địa 7   | GD     | 2008            |         |
| 242               | 378           | Thiết kế bài giảng Toán 7 THCS                       | HN     | 2004            |         |
| 243               | 379           | NGUYỄN VĂN NHO- PP giải các dạng Toán 7              | GD     | 2004            |         |
| 244               | 380->385      | SGV môn Công nghệ 7                                  | GD     | 2003            |         |
| 245               | 386->388      | NGUYỄN ĐỨC THÀNH- Thiết kế bài giảng môn CN 7        | HN     | 2003            |         |

|     |          |                                              |    |      |  |
|-----|----------|----------------------------------------------|----|------|--|
| 246 | 389      | LÊ NGUYỄN NGẬT- KTĐGTX môn Sinh 7            | GD | 2008 |  |
| 247 | 390->391 | NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG- TK bài giảng môn Sinh 7 | GD | 2003 |  |
| 248 | 392->396 | SGV môn Sinh học 7                           | GD | 2003 |  |
| 249 | 397->405 | SGV môn Âm nhạc 7                            | GD | 2003 |  |
| 250 | 406      | Đề kiểm tra học kì lớp 7 cấp THCS            | GD | 2007 |  |
| 251 | 407      | SGV môn Mỹ thuật 7                           | GD | 2003 |  |
| 252 | 408->411 | SGV môn Thể dục 7                            | GD | 2003 |  |
| 253 | 412->432 | SGV môn HĐNGLL 7                             | GD | 2003 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                       | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|-----------------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 254               | 433           | Bước đầu đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS | GD     | 2004            |         |
| 255               | 434->436      | LÊ ANH TUÂN- Thiết kế bài giảng Âm nhạc 7 THCS            | HN     | 2003            |         |
| 256               | 437->446      | SGV môn Toán 8                                            | GD     | 2004            |         |
| 257               | 447           | SGV môn Sinh học 8                                        | GD     | 2004            |         |
| 258               | 448->451      | NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG- TK bài giảng môn Sinh 8              | HN     | 2004            |         |
| 259               | 452           | CAO CỰ GIÁC- TK bài giảng môn Hóa 8                       | HN     | 2005            |         |
| 260               | 453           | SGV môn Hóa học 8                                         | GD     | 2004            |         |
| 261               | 454           | SGV môn Mỹ thuật 8                                        | GD     | 2006            |         |
| 262               | 455->461      | SGV môn Hóa học 8                                         | GD     | 2004            |         |
| 263               | 462           | TL dạy học Hóa học 8 THCS                                 | GD     | 2004            |         |
| 264               | 463           | ĐỖ TẤT HIỂN- Ôn tập Hóa học 8                             | GD     | 2004            |         |
| 265               | 464           | Thiết kế bài giảng Tiếng anh 8                            | GD     | 2004            |         |
| 266               | 465           | BT bổ trợ nâng cao Tiếng anh 8                            | GD     | 2004            |         |
| 267               | 466           | Thiết kế bài giảng Tiếng anh 8                            | ĐHSP   | 2004            |         |
| 268               | 467->475      | SGV môn Tiếng anh 8                                       | GD     | 2004            |         |
| 269               | 476->485      | SGV môn Công nghệ 8                                       | GD     | 2004            |         |
| 270               | 486->489      | SGV môn Mỹ thuật 8                                        | GD     | 2004            |         |

|     |          |                                                |    |      |  |
|-----|----------|------------------------------------------------|----|------|--|
| 271 | 490->492 | SGV môn Âm nhạc 8                              | GD | 2004 |  |
| 272 | 493->495 | LÊ ANH TUÂN- Thiết kế bài giảng Âm nhạc 8 THCS | HN | 2004 |  |
| 273 | 496->501 | SGV môn Thể dục 8                              | GD | 2004 |  |
| 274 | 502->503 | TLDH theo chủ đề ở THCS môn TD lớp 8           | GD | 2009 |  |
| 275 | 504->514 | SGV HDGD ngoài giờ lên lớp                     | GD | 2004 |  |
| 275 | 515->519 | LƯU ĐỨC HẠNH- Em tự đánh giá Văn 8             | GD | 2004 |  |
| 277 | 520->544 | SGV môn Ngữ văn 8                              | GD | 2004 |  |
| 278 | 545->548 | NGUYỄN VĂN ĐUỜNG- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 8 | HN | 2004 |  |

| TT<br>TÊN | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                 | NHÀ XB | NĂM XB | GHI CHÚ |
|-----------|---------------|-----------------------------------------------------|--------|--------|---------|
| 279       | 549->550      | TRẦN ĐÌNH CHUNG- Hệ thống câu hỏi Đọc- hiểu văn bản | GD     | 2004   |         |
| 280       | 551           | Một số kiến thức kĩ năng và bài tập nâng cao văn 8  | GD     | 2004   |         |
| 281       | 552           | CAO BÍCH XUÂN- Các dạng bài TLV cảm thụ             | GD     | 2004   |         |
| 282       | 553           | ĐỖ NGỌC THỐNG- BT trắc nghiệm văn 8                 | GD     | 2004   |         |
| 283       | 554           | NGUYỄN THÚY HỒNG- Đề KT theo chuẩn KTKN văn 8       | GD     | 2011   |         |
| 284       | 555           | Đề kiểm tra học kì văn 8 THCS                       | GD     | 2007   |         |
| 285       | 556->566      | TLDH kiến thức địa phương văn, sử 8                 | TH     | 2006   |         |
| 286       | 567->573      | SGV môn Lịch sử 8                                   | GD     | 2004   |         |
| 287       | 574           | NGUYỄN THỊ THẠCH- Thiết kế bài giảng Lịch sử 8      | HN     | 2004   |         |
| 288       | 575           | Đề KT theo chuẩn KTKN Sử 8                          | GD     | 2011   |         |
| 289       | 576           | SGV môn Địa lí 8                                    | GD     | 2009   |         |
| 290       | 577->578      | NGUYỄN CHÂU GIANG- Thiết kế bài giảng Địa lí 8      | HN     | 2004   |         |
| 291       | 579           | Thực hành Địa lí 8                                  | GD     | 2004   |         |
| 292       | 580->591      | SGV môn GDCD 8                                      | GD     | 2004   |         |
| 293       | 592           | NGUYỄN MỸ HẢO- Thiết kế bài giảng Vật lí 8          | HN     | 2004   |         |
| 294       | 593->600      | SGV môn Toán 8                                      | GD     | 2004   |         |
| 295       | 601->604      | SGV môn Ngữ văn 9                                   | GD     | 2005   |         |
| 296       | 605->606      | LÊ XUÂN ĐỒNG- Ngữ văn 8,9 địa phương                | GD     | 2016   |         |

|     |          |                                                |    |      |  |
|-----|----------|------------------------------------------------|----|------|--|
| 297 | 607      | Vở bài tập tiếng việt 9                        | TH | 2003 |  |
| 298 | 608      | Ôn thi vào lớp 10 môn văn                      | GD | 2008 |  |
| 299 | 609->612 | SGV môn Địa lí 9                               | GD | 2005 |  |
| 300 | 613->615 | Địa lí địa phương Thanh Hóa                    | TH | 2016 |  |
| 301 | 616->617 | Lịch sử địa phương Thanh Hóa                   | TH | 2016 |  |
| 302 | 618      | TRẦN TRỌNG HÀ- Câu hỏi và bài tập Địa lí 9     | GD | 2007 |  |
| 303 | 619      | Đề kiểm tra học kì môn Sử 9 THCS               | GD | 2011 |  |
| 304 | 620      | NGUYỄN THỊ THẠCH- Thiết kế bài giảng Lịch sử 9 | HN | 2005 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                        | NHÀ XB | NĂM<br>XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|--------------------------------------------|--------|--------------------|---------|
| 305               | 621->622      | SGV môn Sử 9                               | GD     | 2005               |         |
| 306               | 623           | TLDH kiến thức Địa phương Văn, Sử 9        | TH     | 2006               |         |
| 307               | 624->626      | SGV môn GDCD 9                             | GD     | 2005               |         |
| 308               | 627->628      | HỒ THANH DIỆN- Thiết kế bài giảng GDCD 9   | HN     | 2005               |         |
| 309               | 629           | SGV môn Thể dục 9                          | GD     | 2005               |         |
| 310               | 630->634      | SGV môn Toán 9                             | GD     | 2005               |         |
| 311               | 635           | PHẠM ĐỨC TÀI- Đề KT theo chuẩn KTKN Toán 9 | GD     | 2011               |         |
| 312               | 636           | Toán BDHS hình học 9                       | GD     | 2002               |         |
| 313               | 637           | Giải Bt Đại số 9                           | GD     | 2002               |         |
| 314               | 638           | Nâng cao các chuyên đề hình 9              | GD     | 2002               |         |
| 315               | 639           | VŨ HỮU BÌNH- Ôn tập Đại số 9               | GD     | 1998               |         |
| 316               | 630           | SGV môn Vật lí 9                           | GD     | 2005               |         |
| 317               | 641           | KTĐGTX và định kì lí 9                     | GD     | 2008               |         |
| 318               | 642           | NGUYỄN MỸ HẢO- Thiết kế bài giảng lí 9     | HN     | 2005               |         |
| 319               | 643           | Giải bài tập Hóa 9                         | GD     | 1997               |         |
| 320               | 644           | NGUYỄN VĂN LUẬN- 36 bộ đề Hóa 9            | GD     |                    |         |
| 321               | 645           | SGV môn Hóa 9                              | GD     | 2005               |         |

|     |          |                                             |    |      |  |
|-----|----------|---------------------------------------------|----|------|--|
| 322 | 646->647 | SGV môn Sinh 9                              | GD | 2003 |  |
| 323 | 648      | Thiết kế bài giảng sinh 9                   | HN | 2005 |  |
| 324 | 649->659 | SGV Công nghệ 9                             | GD | 2005 |  |
| 325 | 660      | Thiết kế bài giảng Công nghệ 9              | HN | 2005 |  |
| 326 | 661      | Đề kiểm tra học kì 9 THCS                   | GD | 2007 |  |
| 327 | 662      | Thiết kế bài giảng Anh 9                    | HN | 2005 |  |
| 328 | 663      | NGUYỄN THỊ CHI- BT bổ trợ và nâng cao Anh 9 | GD | 2007 |  |
| 329 | 664->665 | SGV môn Âm nhạc 9                           | GD | 2005 |  |
| 330 | 666      | SGV môn MT 9                                | GD | 2005 |  |
| 331 | 667->669 | SGV HĐNGLL 9                                | GD | 2005 |  |

[illegible]

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|---------------------|--------|-----------------|---------|
| 1                 | 01->02        | Ngữ văn 6 tập 1     | GD     | 2002            |         |
| 2                 | 03->05        | Ngữ văn 6 tập 2     | GD     | 2002            |         |
| 3                 | 06->47        | BT Ngữ văn 6 tập 1  | GD     | 2004            |         |
| 4                 | 48->89        | BT Ngữ văn 6 tập 2  | GD     | 2003            |         |
| 5                 | 90->100       | Lịch sử 6           | GD     | 2002            |         |
| 6                 | 101->102      | BT Lịch sử 6        | GD     | 2003            |         |
| 7                 | 103->124      | Địa lí 6            | GD     | 2002            |         |
| 8                 | 125           | BT Địa lí 6         | GD     | 2004            |         |
| 9                 | 126->141      | Giáo dục công dân 6 | GD     | 2003            |         |
| 10                | 142           | Tiếng anh 6         | GD     | 2003            |         |
| 11                | 143->146      | BT Tiếng anh 6      | GD     | 2005            |         |
| 12                | 147->169      | Toán 6 tập 1        | GD     | 2003            |         |
| 13                | 170->177      | BT Toán 6 tập 1     | GD     | 2003            |         |
| 14                | 178->199      | BT Toán 6 tập 2     | GD     | 2005            |         |
| 15                | 200->213      | Vật lí 6            | GD     | 2003            |         |
| 16                | 214->235      | BT Vật lí 6         | GD     | 2004            |         |
| 17                | 236->248      | Sinh 6              | GD     | 2002            |         |

|    |          |                       |    |      |  |
|----|----------|-----------------------|----|------|--|
| 18 | 249->250 | BT Sinh 6             | GD | 2015 |  |
| 19 | 251->256 | Công nghệ 6           | GD | 2003 |  |
| 20 | 257->258 | Âm nhạc và mỹ thuật 6 | GD | 2012 |  |
| 21 | 259      | BT Tin học quyển 1    | GD | 2008 |  |
| 22 | 260->267 | Ngữ văn 7 tập 1       | GD | 2003 |  |
| 23 | 268->275 | Ngữ văn 7 tập 2       | GD | 2004 |  |
| 24 | 276->310 | Ngữ văn 7 tập 1       | GD | 2009 |  |
| 25 | 311->342 | Ngữ văn 7 tập 2       | GD | 2007 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH           | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|-------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 26                | 343->351      | Lịch sử 7                     | GD     | 2003            |         |
| 27                | 352->361      | Địa lí 7                      | GD     | 2004            |         |
| 28                | 362->367      | Giáo dục công dân 7           | GD     | 2004            |         |
| 29                | 368->371      | Tiếng anh 7                   | GD     | 2009            |         |
| 30                | 372->379      | BT Tiếng anh 7                | GD     | 2003            |         |
| 31                | 380->390      | Toán 7 tập 1                  | GD     | 2009            |         |
| 32                | 391->403      | Toán 7 tập 2                  | GD     | 2009            |         |
| 33                | 404->434      | BT Toán 7 tập 1               | GD     | 2004            |         |
| 34                | 435->452      | BT Toán 7 tập 2               | GD     | 2004            |         |
| 35                | 453->466      | Vật lí 7                      | GD     | 2004            |         |
| 36                | 467-489       | BT Vật lí 7                   | GD     | 2004            |         |
| 37                | 490->498      | Sinh học 7                    | GD     | 2004            |         |
| 38                | 499           | BT Công nghệ 7                | GD     | 2005            |         |
| 39                | 500->511      | Công nghệ 7                   | GD     | 2005            |         |
| 40                | 512->525      | Âm nhạc và mỹ thuật           | GD     | 2005            |         |
| 41                | 526->528      | Tin học dành cho THCS quyển 2 | GD     | 2009            |         |
| 42                | 529->540      | Toán 8 tập 1                  | GD     | 2004            |         |

|    |          |                 |    |      |  |
|----|----------|-----------------|----|------|--|
| 43 | 541->556 | BT Toán 8 tập 1 | GD | 2004 |  |
| 44 | 557->570 | Toán 8 tập 2    | GD | 2004 |  |
| 45 | 571->591 | BT Toán 8 tập 1 | GD | 2004 |  |
| 46 | 592->605 | Vật lí 8        | GD | 2009 |  |
| 47 | 606->624 | BT Vật lí 8     | GD | 2009 |  |
| 48 | 625->632 | Hóa học 8       | GD | 2009 |  |
| 49 | 633->653 | BT Hóa học 8    | GD | 2004 |  |
| 50 | 654->668 | Sinh học 8      | GD | 2009 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH            | NHÀ XB  | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|--------------------------------|---------|-----------------|---------|
| 51                | 669->682      | Ngữ văn 8 tập 1                | GD      | 2014            |         |
| 52                | 683->733      | Ngữ văn 8 tập 2                | GD      | 2006            |         |
| 53                | 734->746      | Lịch sử 8                      | GD      | 2009            |         |
| 54                | 747->748      | BT Lịch sử 8                   | GD      | 2004            |         |
| 55                | 749->761      | Địa lí 8                       | GD      | 2004            |         |
| 56                | 762->763      | BT Địa lí 8                    | ĐH VINH | 2004            |         |
| 57                | 764->776      | Giáo dục công dân 8            | GD      | 2009            |         |
| 58                | 777->781      | Tiếng anh 8                    | GD      | 2009            |         |
| 59                | 782->795      | BT Tiếng anh 8                 | GD      | 2009            |         |
| 60                | 796->808      | Công nghệ 8                    | GD      | 2009            |         |
| 61                | 809->823      | Âm nhạc và mỹ thuật 8          | GD      | 2004            |         |
| 62                | 824->828      | Tin học THCS                   | GD      | 2007            |         |
| 63                | 829           | Tin học THCS quyển 4           | GD      | 2009            |         |
| 64                | 830->831      | Lịch sử 9                      | GD      | 2006            |         |
| 65                | 832           | Công nghệ 9 (Lắp đặt mạng)     | GD      | 2005            |         |
| 66                | 833           | Công nghệ 9 (Nấu ăn)           | GD      | 2005            |         |
| 67                | 834           | Công nghệ 9 (Trồng cây ăn quả) | GD      | 2006            |         |



|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                 | NHÀ XB | NĂM<br>XUẤT BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|-----------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 1                 | 01            | Tổ chức các XN nông nghiệp XHCN                     |        |                 |         |
| 2                 | 02            | PHÙNG VĂN LONG- Nỗi ám ảnh khôn nguôi               |        |                 |         |
| 3                 | 03            | 50 năm hoạt động của Đảng bộ ĐCS tỉnh Thanh Hóa     |        |                 |         |
| 4                 | 04            | LÊ DUẨN- Cách mạng Tháng 10 đối với ĐLDT và CNXH    |        |                 |         |
| 5                 | 05            | TRẦN VIỆT CHY- CTPB trong HTX nông nghiệp           |        |                 |         |
| 6                 | 06            | HOÀNG VĂN HIỀU- Những bài học lớn của HTX Định Công |        |                 |         |
| 7                 | 07            | Tuổi trẻ và đồng ruộng                              |        |                 |         |
| 8                 | 08            | Chạy cự li TB và dài                                |        |                 |         |
| 9                 | 09            | Mưa đến cây                                         |        |                 |         |
| 10                | 10            | VŨ QUANG HÂN- GDPL ở trường THCS                    |        |                 |         |
| 11                | 11            | Về cuộc đấu tranh cho trật tự thế giới mới          |        |                 |         |
| 12                | 12->13        | KN công tác hội                                     | PN     | 1981            |         |
| 13                | 14            | Đang vân va                                         | VH     | 1986            |         |
| 14                | 15            | NGUYỄN VĂN BÔNG- Ghi chép về Tây Nguyên             | TP mới | 1978            |         |

| 15                | 16            | LÊ VĂN CƯƠNG- Tâm lí phạm tội về VĐ chống tội phạm  | CAND    | 1999            |         |
|-------------------|---------------|-----------------------------------------------------|---------|-----------------|---------|
| 16                | 17            | LÊ XUÂN THẠI- Thư viện trong trường học             | ĐHQGHN  | 1999            |         |
| 17                | 18            | Đề học tốt văn học và tiếng việt lớp 6              | GD      |                 |         |
| 18                | 19            | Một số chính sách liên quan đến công tác công đoàn  | LĐ      | 2002            |         |
| 19                | 20            | Luật tổ chức HĐND và UBND                           | T Kê    | 2003            |         |
| 20                | 21            | VÕ THỊ QUỲNH – HĐ văn học ngoại khóa                | TH      | 2003            |         |
| 21                | 22            | Những bài văn chọn lọc lớp 8                        | GD      |                 |         |
| 22                | 23            | Phân tích, bình giảng văn học                       | GD      | 2000            |         |
| 23                | 24            | Những người LĐ sáng tác của thế kỉ                  | LĐ      | 2001            |         |
| 24                | 25            | HỒ CHÍ MINH- Chế độ XHCN là CĐ do NDLD làm chủ      |         | 1979            |         |
| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                 | NHÀ XB  | NĂM<br>XUẤT BẢN | GHI CHÚ |
| 25                | 26->27        | Câu hỏi trắc nghiệm và nâng cao lịch sử 6           | GD      |                 |         |
| 26                | 28            | Chú bé Long Nhi tái đầu                             | T.TIN   |                 |         |
| 27                | 29            | Hoa hồng Véc- xây                                   | KĐ      |                 |         |
| 28                | 30            | Cận bầy ma quái                                     | NXB TRẺ | 1995            |         |
| 29                | 31            | Tự hào tổ quốc ta                                   | VH      | 1996            |         |
| 30                | 32            | Sổ tay kiến thức sinh hoạt THCS                     | GD      |                 |         |
| 31                | 33            | Câu lạc bộ những nhà sản xuất giỏi                  | TH      | 1995            |         |
| 32                | 34            | HỮU THỌ- Dổi mới tư duy nông nghiệp                 | ST      | 1987            |         |
| 33                | 35            | Sổ tay PT truy cập dịch vụ viễn thông cho cộng đồng | TTVTT   |                 |         |
| 34                | 36            | Lão Tử đạo đức kinh                                 | VH      |                 |         |
| 35                | 37            | Tài liệu tư tưởng HCM                               | CTQG    | 2003            |         |
| 36                | 38            | ĐỖ VĂN MINH- Quốc Tử Giám trí tuệ Việt              | VHTT    | 2001            |         |
| 37                | 39            | Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu TK XX             | VH      | 1976            |         |
| 38                | 40            | Ngăn chặn thảm họa                                  | LĐ      | 1986            |         |
| 39                | 41            | Về phân công lao động xã hội                        | ST      | 1977            |         |
| 40                | 42            | Tổ chức các xí nghiệp nông nghiệp XHCN              | ST      | 1976            |         |

|    |    |                                             |          |      |  |
|----|----|---------------------------------------------|----------|------|--|
| 41 | 43 | Đổi mới hơn nữa công việc XHCN              | ST       | 1979 |  |
| 42 | 44 | Hoạt động vệ sinh trong nhà trường          | Y.HỌC    | 1977 |  |
| 43 | 45 | Khắc sâu lời Bác                            | T.HÓA    | 1975 |  |
| 44 | 46 | Xác định hiệu quả kinh tế đầu tư            | NN       |      |  |
| 45 | 47 | Cơ khí sinh lí của việc sử dụng phân khoáng | KH VÀ KT | 1987 |  |
| 46 | 48 | Kĩ thuật ngô bầu và một số giống ngô mới    | T.HÓA    | 1988 |  |
| 47 | 49 | Cải tiến công tác lãnh đạo xí nghiệp        | L.ĐỘNG   | 1975 |  |
| 48 | 50 | Đường lên chiến khu                         | T.HÓA    | 1976 |  |
| 49 | 51 | Như thế nào là NN một bước lên Sx lớn XHXN  | NN       | 1986 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|----------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 50                | 52            | Bảo vệ sự trong sáng của đôi mắt                   | Y.HỌC  | 1976            |         |
| 51                | 53            | Tiếng hát người chiến sĩ biên thùy                 | VH     |                 |         |
| 52                | 54            | Sổ tay kiến thức sinh hoạt THCS                    | GD     |                 |         |
| 53                | 55            | Lí luận và PP giảng dạy môn GD CD ở THCS           | GD     | 1998            |         |
| 54                | 56            | Kiến thức ôn tập môn văn                           | HN     | 2002            |         |
| 55                | 57            | Chim yến làm tổ                                    | VHDT   | 1998            |         |
| 56                | 58            | Một số vấn đề văn nghị luận ở cấp 2                | GD     | 1995            |         |
| 57                | 59            | Giới thiệu đề thi tuyển sinh ĐH và CĐ              | HN     | 2000            |         |
| 58                | 60            | Giáo trình tiếng Việt                              | T.HÓA  | 1996            |         |
| 59                | 61            | Công tác phân bón trong SX nông nghiệp             | NN     | 1984            |         |
| 60                | 62            | Rầy nâu và biện pháp phòng trừ                     | TH     |                 |         |
| 61                | 63            | Kinh nghiệm công tác hội                           | PN     | 1981            |         |
| 62                | 64            | Hàm Rồng những ngày ấy                             | TH     | 1988            |         |
| 63                | 65            | Lê Hữu Lập người thanh niên cộng sản đầu tiên ở TH |        |                 |         |
| 64                | 66            | Trên trang sử miền Nam                             | PT     |                 |         |
| 65                | 67            | 70 năm phát triển không ngừng                      | CTTCĐ  | 1987            |         |

|    |    |                                                |         |      |  |
|----|----|------------------------------------------------|---------|------|--|
| 66 | 68 | Ba cuộc cách mạng với vấn đề giải phóng phụ nữ | PN      | 1976 |  |
| 67 | 69 | TỔ HỮU- Xây dựng một nền VN lớn                | VH      | 1973 |  |
| 68 | 70 | Streamline English                             | HCM     |      |  |
| 69 | 71 | Danh nhân Thái Bình                            | T. BÌNH |      |  |
| 70 | 72 | Cả dân tộc cùng bình đẳng giúp đỡ nhau         |         |      |  |
| 71 | 73 | Tìm hiểu luật hình sự VN                       | PT      |      |  |
| 72 | 74 | Streets trong thời đại văn minh                | ĐN      | 1986 |  |
| 73 | 75 | Listening in action                            | SỰ THẬT |      |  |
| 74 | 76 | Cuộc đời hoạt động của Mac- Ăng ghen           |         | 1986 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 75                | 77            | Bậc thầy về ảo ảnh                 |        | 1996            |         |
| 76                | 78            | Đề học tốt ngữ văn 6 tập 1         | GD     | 2002            |         |
| 77                | 79            | Hàm Rồng cảm xúc lúc rạng đông     | TH     | 2009            |         |
| 78                | 80            | MT lớp 6                           | GD     | 1998            |         |
| 79                | 81            | Tài liệu GDCD                      | GD     | 1995            |         |
| 80                | 82            | Vở BT toán 6                       | GD     | 2001            |         |
| 81                | 83            | TL Toán 6 tập 1                    | GD     | 1998            |         |
| 82                | 84            | TRƯỜNG DĨNH- TLV 6                 | GD     | 1997            |         |
| 83                | 85            | LÊ HẢI CHÂU- Vở BT toán 6          | GD     | 2002            |         |
| 84                | 86            | TL Tiếng việt 6 tập 2              | GD     | 1996            |         |
| 85                | 87            | TL sử 6                            | GD     | 1999            |         |
| 86                | 88            | Di tích lưu niệm HCM tại quê hương | CTQG   | 1995            |         |
| 87                | 89            | Quê hương Tào Khắc Thắng           | TH     | 2007            |         |
| 88                | 90            | NGUYỄN MINH KHIÊM- Một góc phù sa  | HNV    |                 |         |

|    |     |                                                     |        |      |  |
|----|-----|-----------------------------------------------------|--------|------|--|
| 89 | 91  | Những vấn đề dạy học tiếng việt trong nhà trường    | ĐHQG   | 2001 |  |
| 90 | 92  | Một số vấn đề mỹ thuật                              | VH     | 1985 |  |
| 91 | 93  | Bài tập bổ trợ nâng cao Tiếng anh 9                 | HCM    |      |  |
| 92 | 94  | Cách mạngHCN tháng 10 vĩ đại                        | S.THẬT | 1982 |  |
| 93 | 95  | Tâm lí phạm tội và vấn đề chống tội phạm            | CAND   | 1999 |  |
| 94 | 96  | LÊ HỒNG QUẾ- Cuộc đời hoạt động cách mạng           |        | 1999 |  |
| 95 | 97  | Các câu chuyện pháp luật phục vụ việc dạy và học    | HĐ     | 2014 |  |
| 96 | 98  | Những bài toán nghịch lí và nguy hiểm vui về vật lí | GD     | 1974 |  |
| 97 | 99  | Một số chính sách pháp luật                         | LĐ     | 2003 |  |
| 98 | 100 | Đất vỡ hoang                                        |        |      |  |
| 99 | 101 | Khoa học hành chính                                 | CTHC   | 2010 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                     | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|-----------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 100               | 102           | Quốc phòng an ninh                      | CTHC   | 2009            |         |
| 101               | 103           | Hệ thống văn bản                        | CT     | 2006            |         |
| 102               | 104           | TLbd nghiệp vụ và thư viện phổ thông    | GDVN   |                 |         |
| 103               | 105           | Bảo vệ tài sản XHCN                     | PL     | 1978            |         |
| 104               | 106           | Nghiên cứu văn kiện ĐH VI               | ST     | 1987            |         |
| 105               | 107           | Du lịch trong thế giới các loài vật     | ĐN     | 1987            |         |
| 106               | 108           | CM Tháng 10 với ĐLDT và CNXH            | ST     | 1977            |         |
| 107               | 109           | Đảng lao động VN                        | ST     | 1975            |         |
| 108               | 110           | Hướng dẫn giảng dạy môn GD CD THCS      |        | 2000            |         |
| 109               | 111           | Bất ngờ lí thú trong vật lí             | ĐN     | 2000            |         |
| 110               | 112           | Giải BT vật lí                          | ĐN     | 2002            |         |
| 111               | 113           | Những vấn đề cơ bản về nhà nước PL XHCN | CTHC   |                 |         |
| 112               | 114           | Kĩ thuật soạn thảo văn bản              |        |                 |         |
| 113               | 115           | PP dạy học tác phẩm văn chương          | HN     | 2001            |         |

|     |     |                                                      |    |      |  |
|-----|-----|------------------------------------------------------|----|------|--|
| 114 | 116 | Nguyện vọng thiết tha                                |    |      |  |
| 115 | 117 | Phản đòn                                             | TN |      |  |
| 116 | 118 | Viết sử giai đoạn                                    | GD |      |  |
| 117 | 119 | Kinh nghiệm trồng dâu nuôi tằm                       | TH | 1983 |  |
| 118 | 120 | Kinh tế chính trị Mác                                |    | 1977 |  |
| 119 | 121 | Thần kiếm Hitoshi                                    | ĐN |      |  |
| 120 | 122 | Thuốc đời sống                                       | PN |      |  |
| 121 | 123 | Streamline English                                   | PN |      |  |
| 122 | 124 | Phát huy tính tích cực của HS trong dạy Lịch sử THCS | TN | 1988 |  |
| 123 | 125 | Chương trình BDTX                                    |    | 1977 |  |
| 124 | 126 | Một số vấn đề KTUD trong KTTT                        | GD | 2000 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|----------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 125               | 127           | CAO SƠN HẢI- Văn hóa dân gian Mường- TH            | TH     | 2017            |         |
| 126               | 128           | Những quy định mới về nâng cao CLGV                | LĐ     |                 |         |
| 127               | 129           | Ngành GD và ĐT Việt Nam                            | TTQG   |                 |         |
| 128               | 130           | HD cơ chế quản lí mua sắm thiết bị trường học      | TC     |                 |         |
| 129               | 131->132      | Giáo dục Việt Nam 1945- 2005                       | TTQG   | 2005            |         |
| 130               | 133           | Âm nhạc dân gian xứ Thanh                          | TH     | 2017            |         |
| 131               | 134           | Chế độ kế toán đối với sự nghiệp có thu            | TC     | 2003            |         |
| 132               | 135           | Giải thưởng HCM                                    |        |                 |         |
| 133               | 136->138      | GD và ĐT Thanh Hóa- 70 Năm XD và PT                | TH     | 2015            |         |
| 134               | 139           | NGÔ THỨC LANH- Từ điển toán học thông dụng         | GD     |                 |         |
| 135               | 140           | Lê-nin                                             |        |                 |         |
| 136               | 141           | Những nhà khoa bảng xứ Thanh                       | TH     | 2011            |         |
| 137               | 142           | Gương mặt các nhà quản lí tiêu biểu ngành GD và ĐT | TN     |                 |         |
| 138               | 143           | Những người lao động sáng tạo của thế kỉ           | LĐ     | 2003            |         |

|     |          |                                                         |      |      |  |
|-----|----------|---------------------------------------------------------|------|------|--|
| 139 | 144      | TRẦN VIỆT LƯU- Hỏi đáp về biển đảo VN                   | LHTT |      |  |
| 140 | 145      | Cẩm nang GD giới tính trong trường học                  | TĐBK |      |  |
| 141 | 146      | Nghĩ về bác lòng ta trong sáng hơn                      | CTHC | 2009 |  |
| 142 | 147      | Một số vấn đề cơ bản về giáo dục dân số                 | DAV  | 1997 |  |
| 143 | 148      | Các QĐ pháp lí về thi đua khen thưởng trong lĩnh vực GD | LĐ   | 2006 |  |
| 144 | 149      | Cẩm nang XD trường học thân thiện HS tích cực           | GDVN |      |  |
| 145 | 150      | Những người đi qua hai thế kỉ                           | LĐ   | 2001 |  |
| 146 | 151      | Những thắng tích xứ Thanh                               | TH   | 2017 |  |
| 147 | 152      | MI-KHA-IN – Thảo nguyên đại bàng                        | CV   |      |  |
| 148 | 153->155 | Địa lí các tỉnh và thành phố VN                         | GD   |      |  |
| 149 | 156      | Những gương mặt thơ mới                                 | TN   | 1994 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                              | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|--------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 150               | 157           | Tuổi mười bảy                                    |        |                 |         |
| 151               | 158           | Những người lao động của thế kỉ                  | LĐ     | 2002            |         |
| 152               | 159           | Triết học Mác- Lê nin                            | CTHC   | 2009            |         |
| 153               | 160           | Tư tưởng HCM                                     | CTHC   | 2009            |         |
| 154               | 161           | Địa lí các tỉnh và thành phố VN                  | GD     |                 |         |
| 155               | 162           | Nghiệp vụ công tác đoàn thể ở cơ sở tập 2        | CTHC   | 2009            |         |
| 156               | 163           | Một số nội dung và quan điểm, đường lối của Đảng | CTHC   | 2009            |         |
| 157               | 164           | Lịch sử ĐCSVN và lí luận cơ bản về ĐCS           | CTHC   | 2009            |         |
| 158               | 165           | Địa lí các tỉnh và thành phố VN                  | GD     |                 |         |
| 159               | 166           | Địa lí các tỉnh và thành phố VN tập 4            | GD     |                 |         |
| 160               | 167           | Những người lao động của thế kỉ tập 2            | LĐ     | 1999            |         |
| 161               | 168           | Nghiệp vụ công tác đoàn thể ở cơ sở              | CTHC   | 2009            |         |
| 162               | 169           | Nhà văn VN hiện đại tỉnh Thanh Hóa               | HNV    | 2000            |         |
| 163               | 170           | Nguyễn Trãi khí phách và tinh hoa của dân tộc    |        |                 |         |

|     |     |                                       |       |      |  |
|-----|-----|---------------------------------------|-------|------|--|
| 164 | 171 | ĐỖ THỊ KIM LIÊN- Ngữ pháp tiếng Việt  | GD    | 1999 |  |
| 165 | 172 | Lịch sử VN tập 1                      | KHXXH | 1971 |  |
| 166 | 173 | 72 bài hát đoàn, hội, đội             | TN    |      |  |
| 167 | 174 | Thư viện câu hỏi kiểm tra             | GDVN  |      |  |
| 168 | 175 | BD chuẩn FSQ                          | GDVN  |      |  |
| 169 | 176 | Chuyên đề BDHS giỏi toán THCS- Số học | GD    |      |  |
| 170 | 177 | Tập bản đồ 9                          | GD    |      |  |
| 171 | 178 | Tiếng anh- SGK lớp 9                  | GD    |      |  |
| 172 | 179 | Đề kiểm tra theo chuẩn TA 9           | GD    |      |  |
| 173 | 180 | LÊ MỘNG THÔNG- Giải BT toán 9         | TH    |      |  |
| 174 | 181 | Ôn thi vào 10 Ngữ văn                 | GD    |      |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                        | NHÀ XB | NĂM<br>XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|--------------------------------------------|--------|--------------------|---------|
| 174               | 182           | 155 bài văn chọn lọc 9                     | ĐHSP   |                    |         |
| 175               | 183           | Màu ảnh cuộc đời                           | PN     | 1987               |         |
| 176               | 184           | Những kinh nghiệm thâm canh tăng vụ        | NN     | 1987               |         |
| 177               | 185           | Công việc viết văn                         | ND     | 1985               |         |
| 178               | 186           | NGO HỮU DŨNG- Đại số 9                     | GD     | 1994               |         |
| 179               | 187           | VŨ VĂN LÂM- Toán nâng cao hình học 8       | GD     |                    |         |
| 180               | 188           | Văn kiện ĐHĐB toàn quốc lần thứ X          | CTQG   | 2006               |         |
| 181               | 189->190      | TRẦN MINH CHÂU- Bệnh dịch tả               | NN     | 1987               |         |
| 182               | 191           | GD bảo vệ môi trường môn Địa lí THCS       |        | 2012               |         |
| 183               | 192           | KHƯƠNG HỮU DỤNG- Bi bộ                     | TPM    | 1985               |         |
| 184               | 193           | Địa lí trong trường học tập 4              | GD     |                    |         |
| 185               | 194           | Các văn bản pháp qui hiện hành             | GD     | 1999               |         |
| 186               | 195           | Headway                                    | VHTT   |                    |         |
| 187               | 196           | Tuyển chọn và trích dẫn những bài phê bình | THKH   | 1992               |         |

|     |     |                                                |           |      |  |
|-----|-----|------------------------------------------------|-----------|------|--|
| 188 | 197 | Đời sống sinh vật biển                         | KHKT      | 1986 |  |
| 189 | 198 | Những người lao động sáng tạo của thế kỉ tập 3 | LĐ        | 2000 |  |
| 190 | 199 | Thơ văn Tản Đà                                 | GD        | 1993 |  |
| 191 | 200 | Nữ bá tước                                     | ĐM        | 1989 |  |
| 192 | 201 | Tiếng Việt lí thú                              | GD        |      |  |
| 193 | 202 | Kiến thức cơ bản văn- tiếng Việt               | HN        | 2000 |  |
| 194 | 203 | THANH THẢO- Khối vuông ru-bích                 |           |      |  |
| 195 | 204 | 135 câu hỏi lí thuyết và hiện tượng vật lí     | HCM       |      |  |
| 196 | 205 | Lí thuyết hoạt động ngôn ngữ và dạy TV ở THCS  | GD        | 1998 |  |
| 197 | 206 | THÁI NINH- Triết học Hi Lạp cổ đại             | MÁC-LÊNIN | 1987 |  |
| 198 | 207 | Địa lí trong trường học                        | GD        |      |  |

| TT<br>TÊN | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                        | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-----------|---------------|--------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 199       | 208           | Người máy đi về dân                        | KHKT   |                 |         |
| 200       | 209           | HD Sinh học 9                              | GD     | 1998            |         |
| 201       | 210           | Mĩ học Mác- Lênin                          | VH     |                 |         |
| 202       | 211           | Tâm lí phạm tội và vấn đề chống tội phạm   | CAND   | 1999            |         |
| 203       | 212           | BÙI XUÂN TÙNG- Nấm mốc bạn và thù          | KHKT   | 1976            |         |
| 204       | 213           | Những lời bác dạy thanh thiếu niên và HS   | TN     |                 |         |
| 205       | 214           | 40 năm hoạt động của Đảng                  | ST     | 1970            |         |
| 206       | 215           | LÊ TRUNG ANH- Ôn luyện toán thi vào 10     | GD     | 1986            |         |
| 207       | 216           | LÊ BÁ CHỨC- Chung câu quân hành            | TH     | 1999            |         |
| 208       | 217           | Tình hình thế giới và nhiệm vụ của Đảng ta | ST     |                 |         |
| 209       | 218           | Những người cộng sản                       | TN     | 1987            |         |
| 210       | 219           | TRẦN TRUNG HÂN- Chết lòng kì lạ            | PT     | 1978            |         |
| 211       | 220           | Kế hoạch hóa kinh tế mới trong xí nghiệp   | KHKT   | 1977            |         |
| 212       | 221           | Thi đấu cao thượng                         | TDTT   | 1986            |         |
| 213       | 222           | Giun tròn kí sinh ở chim và gia cầm        | KHKT   | 1984            |         |

|     |     |                                         |     |      |  |
|-----|-----|-----------------------------------------|-----|------|--|
| 214 | 223 | Anh hùng liệt sĩ Lưu Thế Hà             | TH  | 1997 |  |
| 215 | 224 | Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng | ST  |      |  |
| 216 | 225 | LÍ LAN- Dặm đường lang thang            | VN  |      |  |
| 217 | 226 | Bt thực hành môn Tiếng anh 9            | HCM |      |  |
| 218 | 227 | TÊ HANH- Bài ca sự sống                 | TPM | 1985 |  |
| 219 | 228 | Địa lí 9                                | GD  |      |  |
| 220 | 229 | NGUYỄN BÁ KIM- Vở BT hình học 9         | GD  |      |  |
| 221 | 230 | Một số vấn đề phát triển toán 6         | GD  | 1999 |  |
| 222 | 231 | NGUYỄN BÁ KIM, TRẦN KIỀU- Hình học 9    | GD  | 2000 |  |
| 223 | 232 | Toán nâng cao và các chuyên đề đại số 7 | GD  | 1994 |  |
| 224 | 233 | ĐỨC ANH- Lên đồi mây                    | LĐ  | 1995 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|----------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 225               | 234           | Đời sống tình cảm của HS                           | GD     | 1977            |         |
| 226               | 235           | A. EMME- Đồng hồ sinh học                          | KHKT   | 1976            |         |
| 227               | 236           | Các nước đang phát triển với cuộc cách mạng xanh   | NN     |                 |         |
| 228               | 237           | Chiến khu Ngọc Trạo 1941                           | TH     | 1997            |         |
| 229               | 238           | VŨ TRUNG TẠC- Đời sống sinh vật biển               | KHKT   | 1986            |         |
| 230               | 239           | Bạc Liêu                                           |        |                 |         |
| 231               | 240           | Chuyên đề BD môn toán                              |        |                 |         |
| 232               | 241           | Địa lí các tỉnh và thành phố VN                    | GD     |                 |         |
| 233               | 242           | TLHDGV về GD phòng chống ma túy và chất gây nghiện |        | 2006            |         |
| 234               | 243           | I.AIMOV- Thế giới Nitơ                             | KHKT   |                 |         |
| 235               | 244           | NGUYỄN ĐỊNH LONG- Nẻo trời                         | VH     |                 |         |
| 236               | 245           | THANH THẢO- Khối vuông ru-bích                     |        | 1985            |         |
| 237               | 246           | Hướng dẫn ôn thi TN THCS môn hình học 9            | GD     |                 |         |
| 238               | 247           | Học tốt Ngữ văn 7                                  |        |                 |         |

|     |     |                                                  |      |      |  |
|-----|-----|--------------------------------------------------|------|------|--|
| 239 | 248 | 400 bài toán số học chọn lọc                     | GD   |      |  |
| 240 | 249 | Danh tướng VN                                    | GD   |      |  |
| 241 | 250 | Những chế độ chính sách và văn bản hiện hành     | LĐ   | 2000 |  |
| 242 | 251 | Những qui định về nghĩa vụ lao động của công dân | LĐ   | 1977 |  |
| 243 | 252 | Điều lệ trường TH                                | GD   | 2000 |  |
| 244 | 253 | Chính sách chế độ đối với lao động phụ nữ        | PN   | 1976 |  |
| 245 | 254 | Chiến thắng Đồng Xoài 1966                       | QĐND | 1967 |  |
| 246 | 255 | TỔ HỮU- Những bài học lớn của HTX                | ST   | 1978 |  |
| 247 | 256 | Hạch toán kinh tế                                | ST   | 1976 |  |
| 248 | 257 | Ô-li-vơ-tuyết                                    | KĐ   | 1986 |  |
| 249 | 258 | Về chế độ thủ tướng trong quản lí kinh tế XHCN   | ST   | 1974 |  |

| TT<br>TÊN | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                  | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-----------|---------------|--------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 250       | 259           | Tài liệu tham khảo                   | CTQG   | 2006            |         |
| 251       | 260           | Xây dựng Đảng                        | CT     | 2004            |         |
| 252       | 261           | PP dạy học tác phẩm văn chương       | QGHN   | 2001            |         |
| 253       | 262           | Xoa bóp bấm huyệt                    | KHKT   | 1993            |         |
| 254       | 263           | Mặt trận thống nhất                  | ST     | 1977            |         |
| 255       | 264           | Thung mơ Hương Tích                  | VH     |                 |         |
| 256       | 265->275      | Sổ tay hướng dẫn phòng chống bệnh    |        |                 |         |
| 257       | 276           | Một số vấn đề cơ bản của Vật lí học  | GD     | 1993            |         |
| 258       | 277           | HOÀNG HẠC- Sông gọi                  | GD     | 1996            |         |
| 259       | 278           | Cơ học lượng tử                      | QGHN   |                 |         |
| 260       | 279           | Chủ nghĩa xã hội khoa học            | CTHC   | 2009            |         |
| 261       | 280           | Một số kinh nghiệm lãnh đạo, quản lí | VH     | 2009            |         |
| 262       | 281           | CAMEN- Praxpe Mêrimê                 | VN     | 1994            |         |
| 263       | 282           | Truy tìm tội phạm                    | QĐND   | 1994            |         |
| 264       | 283           | Đốt lò hương ấy                      | VN     | 1997            |         |

|     |     |                                              |      |      |  |
|-----|-----|----------------------------------------------|------|------|--|
| 265 | 284 | Tuyển tập luận văn quân sự                   | QĐND | 1986 |  |
| 266 | 285 | Kinh tế chính trị Mác- Lê nin                | LLCT | 2004 |  |
| 267 | 286 | HOÀN TUẤN PHỒ- Hùng thiêng sông núi Hàm Rồng | TH   | 2009 |  |
| 268 | 287 | Địa lí trong trường học                      | GD   | 1998 |  |
| 269 | 288 | Đất vỡ hoang                                 | VH   | 1999 |  |
| 270 | 289 | HỮU MAI- Vùng trời                           | VH   | 1994 |  |
| 271 | 290 | Kiến thức và kĩ năng công tác Đoàn           | QĐNN | 2001 |  |
| 272 | 291 | Nhà nước và pháp luật                        | LLCT | 2004 |  |
| 273 | 292 | Phan Châu Trinh- Cuộc đời và tác phẩm        | VH   | 1992 |  |
| 274 | 293 | Mặt trận ngoại giao                          | ST   | 1979 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                           | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|-----------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 275               | 294           | Giải một bài toán trên máy tính như thế nào   | GD     |                 |         |
| 276               | 295           | Những tấm gương giáo dục Thanh Hóa            | TH     | 2007            |         |
| 277               | 296           | TRỊNH MẠNH – Tiếng Việt lí thú                | GD     |                 |         |
| 278               | 297           | NGUYỄN THANH HẢI- 135 câu hỏi LT và HT vật lí | HCM    |                 |         |
| 279               | 298           | Luyện kĩ năng nghe tiếng anh                  | HCM    |                 |         |
| 280               | 299           | Cơ sở lí thuyết hóa học                       | KHKT   | 1999            |         |
| 281               | 300           | Tiếng việt                                    | GD     | 1998            |         |
| 282               | 301           | Văn kiện ĐH Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII         |        |                 |         |
| 283               | 302           | TL tổng kết lịch sử cách mạng cận đại         | VSD    | 1958            |         |
| 284               | 303           | Vườn thanh                                    | VH     | 1998            |         |
| 285               | 304           | GD bảo vệ môi trường trong môn Lịch sử THCS   | GDDT   |                 |         |
| 286               | 305           | Mãi mãi tuổi 20                               | TN     |                 |         |
| 287               | 306           | Đề thi tuyển sinh môn Hóa học                 | HN     | 1999            |         |

|     |     |                                                  |      |      |  |
|-----|-----|--------------------------------------------------|------|------|--|
| 288 | 307 | Qui định, hướng dẫn cụ thể thi hành điều lệ Đảng |      | 2002 |  |
| 289 | 308 | Tóm tắt niên biểu lịch sử VN                     | VHTT | 1996 |  |
| 290 | 309 | Sổ tay kiến thức vật lí THCS                     | GD   |      |  |
| 291 | 310 | Những người cộng sản                             | TN   | 1987 |  |
| 292 | 311 | NGUYỄN MINH KHIÊM- Làng tôi có tượng             | TH   | 2000 |  |
| 293 | 312 | Tập tính học là gì?                              | KHKT | 1987 |  |
| 294 | 313 | Văn kiện ĐH Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII            |      | 2010 |  |
| 295 | 314 | Văn kiện hội nghị lần thứ 3 khóa XI              | CTQG |      |  |
| 296 | 315 | Hạnh phúc những cô đơn                           | HN   | 1995 |  |
| 297 | 316 | Chiến khu Ngọc Trạo 1941                         |      | 1977 |  |
| 298 | 317 | Vở BT tham khảo hình học 7 tập 1                 | GD   | 1999 |  |
| 299 | 318 | Vở BT tham khảo đại số 7 tập 1                   | GD   | 1999 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                    | NHÀ XB | NĂM<br>XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|----------------------------------------|--------|--------------------|---------|
| 300               | 319           | Vở BT tham khảo văn học 7 tập 1        | GD     | 1995               |         |
| 301               | 320           | Vở BT tham khảo kĩ thuật điện tử       | GD     | 1998               |         |
| 302               | 321           | Vở BT tham khảo Mĩ thuật               | GD     | 1997               |         |
| 303               | 322           | Vở BT tham khảo tiếng việt 7           | GD     | 1995               |         |
| 304               | 323           | Vở BT tham khảo tập làm văn            | GD     | 1996               |         |
| 305               | 324           | Vở BT tham khảo TV                     | GD     |                    |         |
| 306               | 325           | Kinh nghiệm phòng trừ sâu bệnh hại lúa | TH     | 1984               |         |
| 307               | 326           | Những giống lúa gieo trồng ở Thanh Hóa | TH     | 1986               |         |
| 308               | 327           | Văn kiện ĐH Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII  | TH     | 2006               |         |
| 309               | 328           | Bác Hồ với nông nghiệp                 | NT     | 1975               |         |
| 310               | 329           | Văn minh lúa nước và nghề trồng lúa VN | NN     | 1985               |         |
| 311               | 330           | Câu hỏi trắc nghiệm nâng cao lịch sử 6 | GD     |                    |         |
| 312               | 331           | Bài tập Pascal                         | HN     | 1996               |         |

|     |          |                                           |      |      |  |
|-----|----------|-------------------------------------------|------|------|--|
| 313 | 332      | Mạch điện cần thiết trong nhà             | GDCN |      |  |
| 314 | 333      | Sinh lí học thể dục thể thao              |      | 2006 |  |
| 315 | 334      | Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Tế Hanh               | GD   | 1999 |  |
| 316 | 335      | Câu hỏi trắc nghiệm và nâng cao lịch sử 6 | GD   |      |  |
| 317 | 336->339 | Câu hỏi trắc nghiệm và nâng cao lịch sử   | GD   |      |  |
| 318 | 340      | Một mùa xuân lịch sử                      | TH   | 1974 |  |
| 319 | 341      | Hòn cuội                                  | TPM  | 1987 |  |
| 320 | 342      | Người anh hùng áo trắng                   | TN   | 1986 |  |
| 321 | 343      | Tuyển tập truyện ngắn Pháp TK XIX tập 2   | CN   | 1986 |  |
| 322 | 344      | Bài ca sự sống                            | TPM  |      |  |
| 323 | 345      | KHƯƠNG HỮU DỤNG- Bi nô                    | TPM  | 1985 |  |
| 324 | 346      | Bản án chế độ thực dân Pháp               | ST   | 1975 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                         | NHÀ XB     | NĂM<br>XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|---------------------------------------------|------------|--------------------|---------|
| 325               | 347           | Thí nghiệm THLL dạy học hóa học             | GD         | 1980               |         |
| 326               | 348           | Những bài học lớn của HTX                   | ST         | 1978               |         |
| 327               | 349           | BT hỗ trợ nâng cao tiếng anh 9              | HCM        |                    |         |
| 328               | 350           | Toán nâng cao và các chuyên đề đại số 7     | HN         |                    |         |
| 329               | 351           | Hướng dẫn ôn thi TN THCS                    | GD         |                    |         |
| 330               | 352           | Thắng lợi oanh liệt hào hùng của dân tộc ta | ST         | 1970               |         |
| 331               | 353           | Lượng giác toán                             | HN         |                    |         |
| 332               | 354           | Chủ nghĩa cộng sản khoa học                 | MÁC- LÊNIN | 1987               |         |
| 333               | 355           | Goocki nói chuyện với thanh niên            | TN         | 1976               |         |
| 334               | 356           | Thầy giáo quê hương                         | GD         |                    |         |
| 335               | 357           | Enxtơ Men                                   | TN         | 1977               |         |
| 336               | 358           | Vai trò lãnh đạo của Đảng                   | ST         | 1976               |         |
| 337               | 359           | Nay mình hái quả                            | VH         | 1972               |         |

|     |     |                                          |      |      |  |
|-----|-----|------------------------------------------|------|------|--|
| 338 | 360 | Sông núi quê hương                       | LĐ   | 1973 |  |
| 339 | 361 | Suy nghĩ về nền văn hóa dân tộc thiểu số | VB   | 1976 |  |
| 340 | 362 | Tiếng anh tự học                         | HP   | 2001 |  |
| 341 | 363 | Huyền tích chùa Bút Tháp                 | VHDT | 2004 |  |
| 342 | 364 | Truyện và kí sự                          | VH   | 1975 |  |
| 343 | 365 | Quà tặng thanh niên                      | LĐ   | 1985 |  |
| 344 | 366 | Nađimhir Miet                            | VH   | 1984 |  |
| 345 | 367 | Kể chuyện Puliuxzuxich                   | TN   |      |  |
| 346 | 368 | Ở một cửa hàng bách hóa                  | TPM  | 1986 |  |
| 347 | 369 | Con tôi đang lớn                         | PN   | 1976 |  |
| 348 | 370 | Truyện và kí                             |      | 1976 |  |
| 349 | 371 | Công tác pháp chế giáo dục               | PL   | 1981 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                    | NHÀ XB     | NĂM<br>XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|----------------------------------------|------------|--------------------|---------|
| 350               | 372           | Bản tự truyện của bà Pitman            | PN         | 1986               |         |
| 351               | 373           | Làm tiếp công việc Su- ren- cơ         | TN         | 1985               |         |
| 352               | 374           | Những tổ chức thanh niên thế giới      | TN         | 1985               |         |
| 353               | 375           | Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại    | KHXXH      | 1976               |         |
| 354               | 376           | Nhân dân ta rất anh hùng               | ST         | 1976               |         |
| 355               | 377           | Những viên cuội nhiều màu              | VH         | 1976               |         |
| 356               | 378           | Thơ văn yêu nước Nam bộ                | NT         | 1985               |         |
| 357               | 379           | Những tổ chức thanh niên thế giới      | VHGP       | 1976               |         |
| 358               | 380           | Một lòng với Đảng                      | PN         | 1985               |         |
| 359               | 381           | Tất cả đều là con tôi                  | VH         | 1975               |         |
| 360               | 382           | Noi theo đường lối Mác- Lênin          | ST         | 1976               |         |
| 361               | 383           | Không có gì quý hơn độc lập tự do      | MÁC- LÊNIN | 1986               |         |
| 362               | 384           | Phong trào cộng sản công nhân thế giới | VH         | 1975               |         |

|     |     |                                     |      |      |  |
|-----|-----|-------------------------------------|------|------|--|
| 363 | 385 | Bút kí miền nam                     | VH   | 1965 |  |
| 364 | 386 | Tập thơ                             | VH   | 1978 |  |
| 365 | 387 | Thiên nhiên nguồn tài nguyên vô tận | TDTT | 1978 |  |
| 366 | 388 | Thơ Hoàng Đức Mậu                   | VB   | 1974 |  |
| 367 | 389 | Vô sản các nước đoàn kết lại        | ST   | 1977 |  |
| 368 | 390 | 40 năm xây dựng LLVTNDVN            | ST   | 1984 |  |
| 369 | 391 | Trí tuệ sáng tạo ở tuổi thiếu nhi   | PN   | 1985 |  |
| 370 | 392 | Dạy học văn trong sự đổi mới        | GDTH | 1988 |  |
| 371 | 393 | Ni Ken Lan- Giê lô                  | VH   | 1978 |  |
| 372 | 394 | Con mắt thức                        | TH   | 1975 |  |
| 373 | 395 | Lòng mẹ                             | PN   | 1974 |  |
| 374 | 396 | Mỗi dốc một yêu                     | TH   | 1975 |  |

| TT<br>TÊN | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                 | NHÀ XB    | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-----------|---------------|-----------------------------------------------------|-----------|-----------------|---------|
| 375       | 397           | Nắng ngàn                                           | VH        | 1974            |         |
| 376       | 398           | Lê nin và sự nghiệp người cộng sản mới              | KHXXH     | 1985            |         |
| 377       | 399           | Sổ tay kiến thức lịch sử                            | GD        |                 |         |
| 378       | 400->401      | Những giải vàng                                     |           | 2000            |         |
| 379       | 402           | ĐK, ĐK đại ĐK, thành công thành công đại thành công | ST        | 1973            |         |
| 380       | 403           | Chủ nghĩa hiện thực phê phán                        | ĐH        | 1986            |         |
| 381       | 404           | Con người                                           | ST        | 1986            |         |
| 382       | 405           | Chim vượt gió                                       | TH        | 1985            |         |
| 383       | 406           | Hăng- ri Béc- buyx                                  | VH        | 1985            |         |
| 384       | 407           | Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ 20         | KĐ        | 1984            |         |
| 385       | 408           | Hỏi đáp về kinh tế chính trị Mác- Lênin             | MÁC-LÊNIN | 1987            |         |
| 386       | 409           | Con giông tuổi thơ                                  | HN        | 1993            |         |
| 387       | 410           | Những mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động của CT HCM   | VH        | 1970            |         |
| 388       | 411           | Các dân tộc đoàn kết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ      | ST        | 1977            |         |

|     |     |                                            |      |      |  |
|-----|-----|--------------------------------------------|------|------|--|
| 389 | 412 | Kỉ niệm cứu quốc quân                      | QĐND | 1977 |  |
| 390 | 413 | Tư tưởng Đảng viên cộng sản                | ST   | 1976 |  |
| 391 | 414 | Ixac Niuton                                | TN   | 1976 |  |
| 392 | 415 | Diễn viên và sân khấu                      | VH   | 1979 |  |
| 393 | 416 | Di tích cách mạng Việt Nam                 | PT   | 1976 |  |
| 394 | 417 | Những cơ sở của việc tổ chức liên đoàn     | GD   | 1973 |  |
| 395 | 418 | Những giải thưởng vàng                     | VHDT | 2000 |  |
| 396 | 419 | Hào khí Đồng Nai                           | TN   |      |  |
| 397 | 420 | Tâm cao trong lòng đất                     | TN   | 1986 |  |
| 398 | 421 | Đoàn kết quân dân                          | QĐND | 1977 |  |
| 399 | 422 | Tài liệu học tập văn kiện ĐH VIII của Đảng | CTQG | 1996 |  |
| 399 | 423 | Hồ chủ tịch với Việt Bắc                   | DT   |      |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                               | NHÀ XB970 | NĂM<br>XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|---------------------------------------------------|-----------|--------------------|---------|
| 400               | 424           | Bản án chế độ Thực dân Pháp                       | ST        |                    |         |
| 401               | 426           | Những mẫu chuyện về cuộc đời hoạt động của CT HCM | VH        | 1970               |         |
| 403               | 427           | Đầu mỏ, khí và thiên nhiên ngày nay               | KHKT      | 1976               |         |
| 404               | 428           | Tính đoàn kết và vô sản Việt Pháp                 | VHDT      | 1978               |         |
| 405               | 429           | Giai thoại văn học ở Thanh Hóa                    | TH        | 1983               |         |
| 406               | 430           | Giá trị cuộc sống, giá trị văn học                | MÁC-LÊNIN | 1987               |         |
| 407               | 431           | Cần phải làm việc như thế nào                     | LĐ        | 1976               |         |
| 408               | 432           | Đường lối văn nghệ của Đảng                       | ST        | 1977               |         |
| 409               | 433           | Các lục địa trôi dạt về đâu                       | KHKT      | 1977               |         |
| 410               | 434           | Đường cách mệnh                                   |           |                    |         |
| 411               | 435           | Đổi mới để tiến lên                               | ST        | 1988               |         |
| 412               | 436           | Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội                | ST        | 1977               |         |
| 413               | 437           | Một số qui định về quản lí kinh tế                | PL        | 1987               |         |

|     |     |                                                |            |      |  |
|-----|-----|------------------------------------------------|------------|------|--|
| 414 | 438 | LÊ QUỐC SỬ- Kể chuyện Trần Phú                 | KĐ         | 1995 |  |
| 415 | 439 | Kinh tế chính trị Mác- Lênin                   | MÁC- LÊNIN | 1974 |  |
| 416 | 440 | Đảng cầm quyền                                 | ST         | 1986 |  |
| 417 | 441 | Trong thế giời thần bí                         | PT         | 1977 |  |
| 418 | 442 | Giáo dục lao động                              | GD         | 1985 |  |
| 419 | 443 | Mặt trận hậu phương                            | PN         | 1975 |  |
| 420 | 444 | Cải khuyến                                     | KĐ         | 1977 |  |
| 421 | 445 | Cuộc sống và sự nghiệp                         | KĐ         | 1977 |  |
| 422 | 446 | Mặt trận dân tộc thống nhất                    | ST         | 1977 |  |
| 423 | 447 | Con tôi đang lớn                               | PN         | 1976 |  |
| 424 | 448 | Chủ tịch HCM với Đảng bộ và nhân dân Hải Phòng | HP         | 1985 |  |
| 425 | 449 | Cuộc hành trình thứ 2                          | TN         |      |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                        | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|--------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 426               | 450           | Những cuộc thử thách                       | TN     |                 |         |
| 427               | 451           | Ngon lửa rực sáng                          | TN     |                 |         |
| 428               | 452           | Truyện và kí                               | VH     | 1975            |         |
| 429               | 453           | Hội non sông                               | TN     |                 |         |
| 430               | 454           | Người là niềm tin                          | TN     | 1975            |         |
| 431               | 455           | Trí tưởng tượng và sáng tạo của thanh niên | PN     | 1985            |         |
| 432               | 456           | Tìm hiểu trẻ em                            | PN     | 1985            |         |
| 433               | 457           | English 8                                  | GD     |                 |         |
| 434               | 458           | Đôi mắt trẻ thơ                            | PN     | 1974            |         |
| 435               | 459           | Hạt giống                                  | VH     | 1966            |         |
| 436               | 460           | Bàn về viết hồi kí                         | ND     | 1963            |         |
| 437               | 461           | Người bình dị                              | ND     | 1987            |         |
| 438               | 462           | Hết lòng vì tiền tuyến                     | ND     | 1972            |         |

|     |     |                                               |      |      |  |
|-----|-----|-----------------------------------------------|------|------|--|
| 439 | 463 | Tuyển chọn những bài ôn luyện thi ĐHCĐ môn VH | GD   | 1999 |  |
| 440 | 464 | Pa Ven Vê-gi-nốp-ba-ri-e                      | LĐ   | 1987 |  |
| 441 | 465 | Kiến thức trồng khoai tây                     | NN   | 1984 |  |
| 442 | 466 | Ê Díp làm vua                                 | ĐH   | 1984 |  |
| 443 | 467 | Phân tích tác phẩm VHGD                       | GD   | 1995 |  |
| 444 | 468 | Tổ chức lao động khoa học trong XNCN          | LĐ   | 1975 |  |
| 445 | 469 | Thiết kế bài dạy Ngữ văn 7 tập 1              | TH   | 2003 |  |
| 446 | 470 | Dạy con yêu lao động                          | PN   | 1980 |  |
| 447 | 471 | Nghiên cứu văn kiện ĐH VI                     | ST   | 1987 |  |
| 448 | 472 | Sổ tay hướng dẫn bơi                          | TDTT | 1977 |  |
| 449 | 473 | Sức bền của đất                               | TPM  | 1977 |  |
| 450 | 474 | Chính sách đối với lao động phụ nữ            | PN   | 1976 |  |

| TT<br>TÊN | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                     | NHÀ XB | NĂM<br>XUẤT BẢN | GHI CHÚ |
|-----------|---------------|-----------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 451       | 475           | Chuyên đề nghiên cứu NQĐH X của Đảng    | CTQG   | 2006            |         |
| 452       | 476           | Luật cầu lông                           | TDTT   | 2006            |         |
| 453       | 477           | Chim yến làm tổ                         | VHDT   | 1998            |         |
| 454       | 478           | Làng tôi không có tượng                 | TH     | 2000            |         |
| 455       | 479           | Kịch AXTRÓPXKI                          | SK     | 1987            |         |
| 456       | 480           | Vài nét văn nghệ thể thao Cam –Pu- Chia | KHXXH  | 1981            |         |
| 457       | 481           | Hà Nội nửa đầu thế kỉ 15                | HN     | 1986            |         |
| 458       | 482           | Hữu Thịnh- Từ chiến hào tới thành phố   | VH     | 1985            |         |
| 459       | 483           | Trang sách hương đời                    | TH     | 1997            |         |
| 460       | 484           | Canh tác 3 vụ lúa một năm               | NN     | 1986            |         |
| 461       | 485           | Chiến khu Ngọc Trạo 1941                | TH     | 1977            |         |
| 462       | 486           | Tìm hiểu lịch sử văn hóa Cam-pu-chia    | KHXXH  | 1985            |         |
| 463       | 487           | Luật đá cầu                             | TDTT   | 2003            |         |
| 464       | 488           | Thức dậy một loài hoa                   | LĐ     | 1986            |         |

|     |     |                                             |           |      |  |
|-----|-----|---------------------------------------------|-----------|------|--|
| 465 | 489 | Thiên nhiên đất nước ta                     | KD        |      |  |
| 466 | 490 | Qua những chặng đường                       | VHTT      | 2000 |  |
| 467 | 491 | Ngụ ngôn Thanh Hóa                          | TH        | 1987 |  |
| 468 | 492 | Những người bình dị                         | PN        | 1986 |  |
| 469 | 493 | VŨ TÚ NAM- Những năm tháng ấy               | TPM       | 1987 |  |
| 470 | 494 | Bàn về thanh niên                           | TN        |      |  |
| 471 | 495 | Quy luật kinh tế                            | MÁC-LÊNIN | 1984 |  |
| 472 | 496 | HỒ CHÍ MINH- Con đường sống của nhân dân ta | ST        | 1976 |  |
| 473 | 497 | Tìm hiểu về đất                             | VHKT      | 1973 |  |
| 474 | 498 | Nguyện vọng thiết tha của nhân dân VN       | ST        | 1978 |  |
| 475 | 499 | Thơ Hoàng Đức Mậu                           | VB        | 1974 |  |
| 476 | 500 | Việt Nam cảm ơn                             | TN        |      |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                      | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|----------------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 477               | 501           | Về CNH XHCN                                              | ST     | 1976            |         |
| 478               | 502           | 40 năm qua tiến lên hoàn thành nhiệm vụ mới              | ST     | 1970            |         |
| 479               | 503           | Một số quyết định về quyền lợi vật chất của CN           | LĐ     | 1987            |         |
| 480               | 504           | Từ chiến hào tới thành phố                               | VH     | 1985            |         |
| 481               | 505           | Những gương mặt hôm nay                                  | PN     | 1985            |         |
| 482               | 506           | Bác Hồ như chúng tôi đã biết                             | TN     | 1985            |         |
| 483               | 507           | Một số danh sĩ vùng quan yên                             | TH     | 1991            |         |
| 484               | 508           | Sổ học                                                   |        | 1993            |         |
| 485               | 509           | Một số tiến bộ trong kĩ thuật ứng dụng và sx công nghiệp |        | 1993            |         |
| 486               | 510           | Sổ tay hướng dẫn HD phòng trừ bệnh sốt xuất huyết        |        |                 |         |
| 487               | 511           | Mặt trận chống Mĩ cứu nước                               | ST     |                 |         |
| 488               | 512           | Nhớ ơn Bác Hồ                                            | PN     | 1980            |         |
| 489               | 513           | Con chim bằng gỗ                                         | KĐ     | 1987            |         |

|     |     |                                           |      |      |  |
|-----|-----|-------------------------------------------|------|------|--|
| 490 | 514 | Tây Nguyên                                | TH   | 1989 |  |
| 491 | 515 | Cuộc chiến đấu đang tiếp diễn             | HN   | 1988 |  |
| 492 | 516 | Tình bạn vĩ đại và cảm động               | TN   | 1987 |  |
| 493 | 517 | Kinh nghiệm phòng trừ sâu bệnh hại lúa    | TH   | 1981 |  |
| 494 | 518 | Giai thoại văn học ở Thanh Hóa            | TH   | 1983 |  |
| 495 | 519 | Đôi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước | ST   | 1987 |  |
| 496 | 520 | Tâm lí phạm tội và vấn đề chống tội phạm  | CAND | 1999 |  |
| 497 | 521 | Na-dim-hit-miét                           | LĐ   | 1983 |  |
| 498 | 522 | Những năm tháng đầu của cuộc đời          | TN   |      |  |
| 499 | 523 | Ilia Mét Sni-cốp                          | KĐ   | 1987 |  |
| 500 | 524 | Nghịệp vụ trong trường học                |      | 1997 |  |
| 501 | 525 | Chiều sâu thành phố                       | VH   | 1978 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                               | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|---------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 502               | 526           | Giữa những ngày xuân                              |        |                 |         |
| 503               | 527           | Tinh dầu VN                                       | XH     | 1985            |         |
| 504               | 528           | Ba-đan-khat                                       | TN     | 1977            |         |
| 505               | 529           | Thơ cổ điển VN                                    | HN     | 1994            |         |
| 506               | 530           | Ngăn chặn thảm họa hạt nhân                       | LĐ     | 1986            |         |
| 507               | 531           | Thơ tình Vũ Hoàng Chương                          | VH     |                 |         |
| 508               | 532           | Test: Phần 1                                      |        |                 |         |
| 509               | 533           | Nhà nước và pháp luật quản lí hành chính          | LLCT   | 2009            |         |
| 510               | 534           | Một số bài viết về giữ gìn tiếng Việt             | GD     | 1996            |         |
| 511               | 535           | Chung câu quân hành                               | TH     | 1999            |         |
| 512               | 536           | Cơ sở khoa học của việc dạy lao động cho học sinh | GD     | 1974            |         |
| 513               | 537           | THÁI TRẦN BÁI- Sinh học 7                         | GD     | 1994            |         |
| 514               | 538           | Kĩ thuật điện                                     | GD     | 2000            |         |

|     |          |                                             |       |      |  |
|-----|----------|---------------------------------------------|-------|------|--|
| 515 | 539      | Bài tập vật lí đại cương                    | G     |      |  |
| 516 | 540      | VŨ HUY BA- Phúc trời                        | TN    | 1997 |  |
| 517 | 541      | Nói chuyện về Đảng với thanh niên           | TN    |      |  |
| 518 | 542      | Vận dụng các quy luật kinh tế trong quản lí | KHXXH | 1977 |  |
| 519 | 543      | Hồ Chí Minh về vấn đề học tập               | ST    | 1977 |  |
| 520 | 544      | Hô-xê Mác-li                                | TN    |      |  |
| 521 | 545      | Liên Xô những câu hỏi và trả lời            | ST    |      |  |
| 522 | 546      | Những bài học của HTX Định Công             | ST    | 1978 |  |
| 523 | 547->548 | Luật hôn nhân và gia đình                   | PN    | 1987 |  |
| 524 | 549      | Thời yêu thu                                |       |      |  |
| 525 | 550      | TRẦN ĐANG- Truyện và kí sự                  |       |      |  |
| 526 | 551      | Lí Thường Kiệt bên sông Như Nguyệt          | VHDT  |      |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                             | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|-------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 527               | 552           | Ngày đẹp nhất                                   | VNGP   | 1974            |         |
| 528               | 553           | Khi con người có tổ quốc                        | PN     | 1974            |         |
| 529               | 554           | Dòng thác                                       | VH     | 1976            |         |
| 530               | 555           | Mê tín dị đoan                                  | ST     | 1986            |         |
| 531               | 556           | Những bài học lớn của HTX Định Công             | ST     | 1978            |         |
| 532               | 557           | Vun trồng thể lực cho đàn em nhỏ                | TDTT   | 1976            |         |
| 533               | 558           | Thực hiện di chúc thiêng liêng của chủ tịch HCM | ST     | 1975            |         |
| 534               | 559           | Chồng tôi gà                                    | TH     | 1984            |         |
| 535               | 560           | Từ cuộc đời chiến sĩ                            | QĐND   | 1978            |         |
| 536               | 561           | Thanh Hóa khắc sâu lời Bác                      | TH     | 1975            |         |
| 537               | 562           | Tìm hiểu văn hóa làng                           | VH     | 1985            |         |
| 538               | 563           | Những mẫu chuyện về cuộc đời hoạt động của Bác  | VH     | 1970            |         |
| 539               | 564           | Miền nam là ruột thịt, nam bác là một nhà       | ST     | 1960            |         |

|     |     |                                               |      |      |  |
|-----|-----|-----------------------------------------------|------|------|--|
| 540 | 565 | Hạnh phúc nhưng cô đơn                        | HN   | 1995 |  |
| 541 | 566 | Quyết tâm xây dựng VN thành một nước văn minh | ST   |      |  |
| 542 | 567 | Đẻ đất đẻ nước                                | TH   | 1993 |  |
| 543 | 568 | Chính sách chăn nuôi                          | NN   | 1981 |  |
| 544 | 569 | Xây dựng xưa và nay                           | KHKT | 1975 |  |
| 545 | 570 | Câu lạc bộ thanh niên                         | TN   | 1987 |  |
| 546 | 571 | Mùa xuân chiến thắng                          | VH   | 1976 |  |
| 547 | 572 | Địa lí và quy cách các mục sx nông nghiệp     | KHKT | 1975 |  |
| 548 | 573 | Luật lệ hiện hành về thú y                    | NT   |      |  |
| 549 | 574 | Văn minh lúa nước và nghề trồng lúa           | NN   | 1985 |  |
| 550 | 575 | Một chặng đường đi                            | TH   | 1978 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                   | NHÀ XB | NĂM<br>XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|-------------------------------------------------------|--------|--------------------|---------|
| 551               | 576           | Những vấn đề tiết kiệm trong sx NN XHCN ở VN          | NN     |                    |         |
| 552               | 577           | Phòng chống các bệnh dịch lợn                         | TH     | 1983               |         |
| 553               | 578           | Chủ nghĩa xã hội và CTH                               | LLCT   | 2004               |         |
| 554               | 579           | Khoa học hành chính                                   | CTHC   | 2010               |         |
| 555               | 580           | Những người lao động sáng tạo của thế kỉ              | LĐ     | 1999               |         |
| 556               | 581->582      | Tìm hiểu văn hóa và tín ngưỡng của đồng bào thanh Hóa | TH     | 2011               |         |
| 557               | 583           | Tài liệu tập huấn tổ trưởng chuyên môn                | HHN    | 2011               |         |
| 558               | 584           | Kinh tế chính trị Mác- Lênin                          | CTHC   | 2009               |         |
| 559               | 585           | Luật giáo dục và nghị định giáo dục chi tiết          | LĐ     | 2006               |         |
| 560               | 586           | Lí thuyết xác suất và thống kê toán học               | GD     | 1983               |         |
| 561               | 587           | Những bài toán sơ cấp chọn lọc                        | ĐH     | 1986               |         |
| 562               | 588           | Tình hình thế giới và những vấn đề thế giới           | ST     |                    |         |

|     |     |                                               |           |      |  |
|-----|-----|-----------------------------------------------|-----------|------|--|
| 563 | 589 | Sổ tay HD hoạt động phòng chống bệnh trong sx |           | 2010 |  |
| 564 | 590 | Tuyên ngôn độc lập của nước VNDCCH            | ST        | 1975 |  |
| 565 | 591 | Nguyên lí giáo dục XHCN                       | GD        | 1998 |  |
| 566 | 592 | Những bài học lớn của HTX Định Công           | ST        | 1978 |  |
| 567 | 593 | 50 năm hoạt động của Đảng bộ Thanh Hóa        | TH        | 1980 |  |
| 568 | 594 | Xêvaxtốp                                      | VH        | 1984 |  |
| 569 | 595 | Xây dựng Đảng trong cách mạng XHCN ở VN       | ST        | 1985 |  |
| 570 | 596 | Toàn thắng ắt về ta                           | ST        | 1975 |  |
| 571 | 597 | Người cộng sản trẻ tuổi                       | VH        | 1980 |  |
| 572 | 598 | Tình đồng chí chiến đấu vô sản Việt Pháp      | TTLL      | 1986 |  |
| 573 | 599 | Triết học Mác- lenin                          | MÁC-LÊNIN | 1976 |  |
| 574 | 600 | Sổ tay HD hoạt động phòng chống bệnh trong sx |           | 2010 |  |
| 575 | 601 | Bình luận văn học                             | VH        | 1969 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                               | NHÀ XB | NĂM<br>XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|---------------------------------------------------|--------|--------------------|---------|
| 576               | 602           | Về vấn đề HT                                      | ST     | 1977               |         |
| 577               | 603           | Thơ Hoàng Đức Mậu                                 | VB     | 1974               |         |
| 578               | 604           | Bác Hồ với nhân dân Thanh Hóa, Nhân dân TH với BH | TH     | 2001               |         |
| 579               | 605           | Chủ nghĩa xã hội                                  | PT     | 1978               |         |
| 580               | 606           | Đập tan chiến tranh tâm lí                        | ST     | 1981               |         |
| 581               | 607           | Tư duy kinh tế và cơ cấu công nông nghiệp         | TTLL   | 1985               |         |
| 582               | 608           | Anh hùng liệt sĩ                                  |        | 1977               |         |
| 583               | 609           | 40 năm hoạt động của Đảng bộ Thanh Hóa            |        | 1974               |         |
| 584               | 610           | Lập lại trật tự XHCN                              | ST     | 1984               |         |
| 585               | 611->655      | 100 trò chơi dân gian                             | KĐ     |                    |         |
| 586               | 656->658      | Một số vấn đề đổi mới PP dạy học ở trường PT      | KĐ     | 2004               |         |
| 587               | 659           | Tìm hiểu luật GD cấp trung học                    | HN     |                    |         |

|     |          |                                              |      |      |  |
|-----|----------|----------------------------------------------|------|------|--|
| 588 | 660      | Tìm hiểu các trường cao đẳng                 | TK   |      |  |
| 589 | 661->664 | Một số vấn đề đổi mới PP dạy học ở trường PT |      | 2004 |  |
| 590 | 665      | Nghĩ về Bác                                  | CTHC | 2009 |  |
| 591 | 666      | Dạy và học tích cực                          | ĐHSP |      |  |
| 592 | 667      | Thư viện trường học thân thiện               |      | 2010 |  |
| 593 | 668->702 | Xây dựng mô hình trường THCS                 | HN   | 2012 |  |
| 594 | 703      | HD và thiết kế dạy học ngữ văn 6,7           | TH   | 2015 |  |
| 595 | 704      | Ngữ pháp và bài tập nâng cao tiếng anh       | GD   | 2002 |  |
| 596 | 705      | Ngữ văn 6,7                                  | GD   |      |  |
| 597 | 706      | Toán 6 tập 2                                 | GD   | 1998 |  |
| 598 | 707      | Câu hỏi trắc nghiệm tiếng anh 6              | GD   |      |  |
| 599 | 708      | Tài liệu GD CD 6                             | GD   | 1994 |  |
| 600 | 709      | Tiếng việt 6 tập 1                           | GD   | 1999 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                      | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 601               | 710           | Đề học tốt ngữ văn 6 tập 1               | GD     | 1999            |         |
| 602               | 711           | Đề học tốt ngữ văn 6 tập 2               | GD     |                 |         |
| 603               | 712           | Đề học tốt văn học 6 tập 1               | GD     |                 |         |
| 604               | 713           | Đề học tốt văn học 6 tập 2               | GD     | 1999            |         |
| 605               | 714           | Sổ tay văn học lớp 6                     | GD     |                 |         |
| 606               | 715           | Em tự đánh giá kiến thức ngữ văn 6 tập 1 | HN     |                 |         |
| 607               | 716           | Toán BDHSG 6                             | HCM    | 2005            |         |
| 608               | 717           | Những bài làm văn mẫu 6 tập 1            | GD     | 1996            |         |
| 609               | 718           | Bài tập tìm hiểu môn GD CD               | GD     | 2003            |         |
| 610               | 719           | Vở BT vật lí 6                           | GD     | 2002            |         |
| 611               | 720           | Giáo trình bài giảng của GV giỏi         | ĐHSP   |                 |         |
| 612               | 721->722      | Truyện đọc GD CD                         | GD     |                 |         |

|     |          |                                                  |      |      |  |
|-----|----------|--------------------------------------------------|------|------|--|
| 613 | 723      | Giáo trình bài giảng của GV giỏi                 | ĐHSP |      |  |
| 614 | 724->726 | HD học và ôn tập sinh học 6                      | GD   |      |  |
| 615 | 727      | Tư liệu lịch sử 6                                | GD   |      |  |
| 616 | 728      | Truyện đọc GDCD 6                                | GD   |      |  |
| 617 | 729      | Bước đầu đổi mới kiến thức các môn học 6         | GD   |      |  |
| 618 | 730->731 | TL hướng dẫn HĐNGLL                              | ĐHSP | 2003 |  |
| 619 | 732      | Đề kiểm tra HK cấp THCS                          |      |      |  |
| 620 | 733      | Em tự đánh giá kiến thức ngữ văn                 | GD   |      |  |
| 621 | 734      | Kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì vật lí | GD   |      |  |
| 622 | 735      | Đề kiểm tra HK cấp THCS 6                        | GD   |      |  |
| 623 | 736->737 | Bài tập trắc nghiệm Ngữ văn 6                    | GD   |      |  |
| 624 | 738->739 | Tư liệu lịch sử 6                                | GD   |      |  |
| 625 | 740      | Hỏi đáp lịch sử                                  | GD   |      |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                     | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|-----------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 626               | 741->762      | Tài liệu dạy học kiến thức địa phương 6 | GD     | 2006            |         |
| 627               | 763           | Tư liệu sinh học 6                      | GD     |                 |         |
| 628               | 764           | Nâng cao và phát triển toán 6 tập 1     | GD     |                 |         |
| 629               | 765->766      | Một số vấn đề đổi mới PPDH môn Ngữ văn  | GD     | 2004            |         |
| 630               | 767           | TL địa lí 7                             | GD     | 1998            |         |
| 631               | 768           | Học tốt Ngữ văn 7                       | GD     |                 |         |
| 632               | 769           | Tập làm văn 7                           | GD     | 1998            |         |
| 633               | 770           | Tài liệu GDCD 7                         | GD     | 1998            |         |
| 634               | 771           | Dàn bài TLV 7                           | GD     |                 |         |
| 635               | 772           | TL lịch sử 7                            | GD     |                 |         |
| 636               | 773           | Trọng điểm vật lí 7                     | GD     | 1998            |         |
| 637               | 774           | BT trắc nghiệm vật lí 7                 | GD     |                 |         |

|     |          |                                                    |    |      |  |
|-----|----------|----------------------------------------------------|----|------|--|
| 638 | 775      | BT hình học 7                                      | GD | 2000 |  |
| 639 | 776->778 | BT chọn lọc vật lí 7                               | GD |      |  |
| 640 | 779      | Bước đầu đổi mới KTĐG kết quả học tập của HS lớp 7 | GD | 2004 |  |
| 641 | 780      | BT trắc nghiệm toán 7                              | GD | 2004 |  |
| 642 | 781->782 | THÁI QUANG VINH- Học tốt văn 7                     | GD | 2005 |  |
| 643 | 783      | TRƯỜNG HỮU QUÝNH- Vở BT lịch sử 7                  | GD | 2006 |  |
| 644 | 784->785 | ĐỖ NGỌC THÔNG – Tư liệu Ngữ văn 7                  | GD | 2004 |  |
| 645 | 786->788 | NGUYỄN HỮU DANH- Những điều lí thú địa lí 7        | GD | 2004 |  |
| 646 | 789      | NGUYỄN NGẬT- Tư liệu sinh học 7                    | GD | 2004 |  |
| 647 | 790      | NGUYỄN VĂN TRANG- Vở BT toán 7                     | GD | 2003 |  |
| 648 | 791      | NGHIÊM ĐÌNH VÌ- Tư liệu lịch sử                    | GD | 2004 |  |
| 649 | 792      | Truyện đọc GDCD 7                                  | GD | 2003 |  |
| 650 | 793      | TẠ ĐỨC HIỀN- Nâng cao văn THCS                     | GD | 2007 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                      | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 651               | 794->802      | THÁI QUANG VINH- Học tốt văn THCS 7      | ĐHQG   | 2005            |         |
| 652               | 803->809      | Một số vấn đề đổi mới PPDH               | GD     | 2004            |         |
| 653               | 810           | Học tốt GDCD 8                           | GD     |                 |         |
| 654               | 811           | Tài liệu DH theo các chủ đề tự chọn THCS | GD     | 2004            |         |
| 655               | 812           | Học tốt vật lí 8                         | GD     | 2004            |         |
| 656               | 813           | 264 bài tập trắc nghiệm vật lí 8         | GD     | 2004            |         |
| 657               | 814           | Học tốt vật lí 8                         | GD     | 2004            |         |
| 658               | 815           | Để học tốt ngữ văn 8                     | GD     | 2004            |         |
| 659               | 816           | Viết sử giai thoại                       | GD     | 2004            |         |
| 660               | 817->818      | NGUYỄN TRỌNG LÂN- Địa lí 8               | GD     | 2004            |         |
| 661               | 819           | HD làm BT và ôn tập vật lí 8             | GD     | 2004            |         |
| 662               | 820           | Đổi mới PPDH ở trường THCS môn MT- ÂN-TD | GD     | 2004            |         |

|     |          |                                                        |    |      |  |
|-----|----------|--------------------------------------------------------|----|------|--|
| 663 | 821      | BT chọn lọc môn hóa học 8                              | GD | 2004 |  |
| 664 | 822      | Một số vấn đề đổi mới PPDH ở THCS môn VL-HH-SH         | GD | 2004 |  |
| 665 | 823      | Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm lớp 8 môn hóa học       | GD | 2004 |  |
| 666 | 824      | Tư liệu sinh học 6                                     | GD | 2004 |  |
| 667 | 825      | Học tốt GD CD 8                                        | GD | 2004 |  |
| 668 | 826      | Bước đầu đổi mới KTKQ học tập các môn học của HS lớp 6 | GD |      |  |
| 669 | 827      | TL văn 8 dạy học môn Ngữ                               | GD |      |  |
| 670 | 828->831 | BT chọn lọc vật lí 8                                   | GD |      |  |
| 671 | 832->834 | Thực hành địa lí 8                                     | GD |      |  |
| 672 | 835->836 | Thực hành hóa 8                                        | GD |      |  |
| 673 | 837->838 | Câu hỏi trắc nghiệm Và BT sinh học 9                   | GD |      |  |
| 674 | 839->842 | Một số câu hỏi trắc nghiệm địa lí 7                    | GD |      |  |
| 675 | 843->856 | Tài liệu DH kiến thức địa phương lớp 7                 | GD | 2006 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                          | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|----------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 676               | 857           | Ngữ văn trong nhà trường                     | TH     | 2002            |         |
| 677               | 858           | Kĩ thuật 7                                   | GD     | 1998            |         |
| 678               | 859           | Đề học tốt anh 7                             | TN     | 2003            |         |
| 679               | 860           | Sổ tay kiến thức tiếng việt THCS             | GD     | 2003            |         |
| 680               | 861           | Giáo dục kĩ năng sống trong môn sinh         | GD     | 2010            |         |
| 681               | 862           | LÊ THỊ CHINH- PP và kinh nghiệm              | GD     | 2009            |         |
| 682               | 863           | LƯƠNG TRỌNG BÁI- Từ điển vật lí PT           | GD     | 2004            |         |
| 683               | 864           | NGÔ TÚY PHƯƠNG- Những trang trí chọn lọc     | GD     | 2004            |         |
| 684               | 865           | VŨ THỊ HẢI YẾN- Thiết kế bài giảng địa       | TH     | 2015            |         |
| 685               | 866           | HOÀNG THỊ XUÂN HOA- Tài liệu DH anh 8        | GD     |                 |         |
| 686               | 867           | 360 động từ bất quy tắc và cách dùng các thì | BT     | 1998            |         |
| 687               | 868           | NGUYỄN THỊ CHI- Ôn tập kiểm tra anh 7        | ĐHQGHN | 1999            |         |

|     |          |                                                  |      |      |  |
|-----|----------|--------------------------------------------------|------|------|--|
| 688 | 869      | PPCT văn THCS                                    | TH   | 2011 |  |
| 689 | 870      | Giới thiệu bài giảng GVG sử                      | ĐHSP | 2003 |  |
| 690 | 871      | HD học và ôn tập sinh 7                          | GD   |      |  |
| 691 | 872      | NGUYỄN MẬU CÔNG- Đề KT theo chuẩn KTKN vật lí 7  | GD   | 2011 |  |
| 692 | 873      | Đề kiểm tra học kì THCS 7                        | GD   | 2007 |  |
| 693 | 874      | Nâng cao và phát triển toán 7                    | GD   | 2005 |  |
| 694 | 875      | BT trắc nghiệm và các đề kiểm tra toán 6         | GD   | 2004 |  |
| 695 | 876      | Đề kiểm tra theo chuẩn kiến thức kĩ năng anh 8   | GD   | 2011 |  |
| 696 | 877      | Một số vấn đề đổi mới PPDH ở THCS văn 7          | GD   | 2004 |  |
| 697 | 878->879 | Kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì văn 7  | GD   | 2008 |  |
| 698 | 880      | Kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì sử 8   | GD   | 2008 |  |
| 699 | 881      | Kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì toán 8 | GD   | 2008 |  |
| 700 | 882      | Giải toán và trắc nghiệm lí 8                    | GD   | 2004 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                                  | NHÀ XB    | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|------------------------------------------------------|-----------|-----------------|---------|
| 701               | 883->885      | VŨ XUÂN VINH- Bài tập tình huống GD CD 8             | GD        | 2004            |         |
| 702               | 886           | LÊ MẬU THẢO- Giải BT toán 7                          | GD        | 2003            |         |
| 703               | 887->890      | Nâng cao và phát triển toán 7                        | GD        | 2005            |         |
| 704               | 891           | Em tự đánh giá kiểm tra văn 8                        | GD        | 2004            |         |
| 705               | 892           | Tư liệu sinh 8                                       | GD        | 2004            |         |
| 706               | 893           | Giải BT toán 7                                       | GD        | 2005            |         |
| 707               | 894           | LÊ THỊ PHƯƠNG- Đề kiểm tra kiến thức, kĩ năng sinh 9 | NA        | 2004            |         |
| 708               | 895           | NGUYỄN VĂN TRANG- Vở BT toán 7                       | GD        | 2003            |         |
| 709               | 896           | Đề học tốt anh 10                                    | GD        | 2011            |         |
| 710               | 897           | Ngữ văn trong nhà trường                             | ĐHQGTPHCM | 2003            |         |
| 711               | 898           | TL dạy học theo chủ đề tự chọn anh 8                 | GD        | 2002            |         |
| 712               | 899           | ĐỖ TẤT HIÊN- Ôn tập hóa 8                            | GD        | 2004            |         |

|     |     |                                |      |      |  |
|-----|-----|--------------------------------|------|------|--|
| 713 | 900 | Thực hành lịch sử 8            | GD   | 2004 |  |
| 714 | 901 | Đại số 7                       | GD   | 1995 |  |
| 715 | 902 | Tiếng Việt 2 tập 2             | GD   | 1998 |  |
| 716 | 903 | Giáo trình bài giảng           | ĐHSP | 2003 |  |
| 717 | 904 | BT sinh học 7                  | GD   | 2012 |  |
| 718 | 905 | BT trắc nghiệm toán 7          | GD   | 2009 |  |
| 719 | 906 | BT bổ trợ và nâng cao anh 7    | GD   | 2008 |  |
| 720 | 907 | Thiết kế bài giảng lịch sử     | TH   | 2015 |  |
| 721 | 908 | SGV Hóa học 8                  | GD   | 2004 |  |
| 722 | 909 | Thiết kế bài giảng sinh học 7  | HN   | 2003 |  |
| 723 | 910 | Bài tập chọn lọc hóa học 8     | GD   | 2004 |  |
| 724 | 911 | Đề kiểm tra kĩ năng sinh học 7 | GD   |      |  |
| 725 | 912 | Thực hành sinh học 8           | GD   | 2009 |  |

| TT<br>TÊN | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                             | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-----------|---------------|-------------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 726       | 913->914      | LT dạy học theo chủ đề tự chọn sinh 8           | GD     | 2009            |         |
| 727       | 915           | Đề kiểm tra theo chuẩn kiến thức kĩ năng toán 8 | GD     | 2022            |         |
| 728       | 916           | BT bổ trợ nâng cao anh 8                        | GD     | 2004            |         |
| 729       | 917           | Tư liệu ngữ văn 8                               | GD     |                 |         |
| 730       | 918           | Bt chọn lọc Vật lí 8                            | GD     | 2004            |         |
| 731       | 919           | TLV lớp 8                                       | GD     | 1995            |         |
| 732       | 920           | Đề học tốt đại số 8                             | GD     | 1996            |         |
| 733       | 921           | Tác phẩm văn học 8                              | GD     | 2000            |         |
| 734       | 922           | Giải một bài toán như thế nào trên máy tính     | GD     | 2003            |         |
| 735       | 923           | Vở BT GD CD 8                                   | ĐHSP   | 2004            |         |
| 736       | 924           | Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm anh 8            | GD     | 2004            |         |
| 737       | 925           | Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm lí 8             | GD     | 2004            |         |
| 738       | 926           | Kĩ thuật 8: Chăn nuôi cá nước ngọt              | GD     |                 |         |

|     |          |                                                     |    |      |  |
|-----|----------|-----------------------------------------------------|----|------|--|
| 739 | 927      | TL GD CD 8                                          | GD | 1999 |  |
| 740 | 928      | Vở bài tập hình học 8                               | GD | 1999 |  |
| 741 | 929      | Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm hóa 8                | GD | 2004 |  |
| 742 | 930      | Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm sinh 8               | GD | 2004 |  |
| 743 | 931      | Đề kiểm tra học kì cấp THCS 8                       | GD | 2007 |  |
| 744 | 932      | Kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì anh 8     | GD | 2008 |  |
| 745 | 933      | Kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì địa 8     | GD | 2008 |  |
| 746 | 934->935 | 264 bài tập trắc nghiệm lí 8                        | GD | 2004 |  |
| 747 | 936      | Bước đầu đổi mới KTĐG kết quả học tập các môn học 6 | GD | 2003 |  |
| 748 | 937      | Bước đầu đổi mới KTĐG kết quả học tập các môn học 7 | GD | 2004 |  |
| 749 | 938->939 | Bài tập trắc nghiệm văn 8                           | GD | 2004 |  |
| 750 | 940->944 | Bước đầu đổi mới KTĐG kết quả học tập các môn học 8 | GD | 2004 |  |
| 751 | 945->946 | Bài tập tin học THCS                                | GD | 2009 |  |

| TT<br>TÊN<br>SÁCH | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                    | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-------------------|---------------|----------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 752               | 947           | GD kĩ năng sống cho HS trong môn GD CD | GD     | 2010            |         |
| 753               | 948           | Lịch sử 8                              | GD     | 1995            |         |
| 754               | 949           | Vật lí 8                               | GD     | 1995            |         |
| 755               | 950           | Vở bài tập tiếng Việt 8                | GD     | 1999            |         |
| 756               | 951           | BDTX chu kì 1997-2000                  | HN     | 1997            |         |
| 757               | 952           | BDKT cơ bản môn toán                   | ĐN     | 2002            |         |
| 758               | 953           | Đề học tốt tiếng anh 11                | GD     |                 |         |
| 759               | 954           | Chương trình THCS                      | GD     | 2002            |         |
| 760               | 955           | Tin học ứng dụng                       | GD     | 2003            |         |
| 761               | 956           | Thực hành vật lí 8                     | GD     | 2004            |         |
| 762               | 957           | TL dạy học môn vật lí 8                | GD     | 2004            |         |
| 763               | 958           | Em tự đánh giá Ngữ văn 8               | GD     | 2006            |         |

|     |     |                                    |    |      |  |
|-----|-----|------------------------------------|----|------|--|
| 764 | 959 | Bài soạn hóa học 9 tập 2           | HN | 2000 |  |
| 765 | 960 | BT nâng cao Vật lí 8               | GD | 2001 |  |
| 766 | 961 | TL dạy học lịch sử 8               | TH | 2006 |  |
| 767 | 962 | HD và thiết kế dạy học Ngữ văn 8,9 | TH | 2015 |  |
| 768 | 963 | Từ điển vật lí PT                  | GD | 2009 |  |
| 769 | 964 | Một số kiến thức Ngữ văn 8         | GD | 2009 |  |
| 770 | 965 | HD làm bài tập toán tập 1          | HN |      |  |
| 771 | 966 | HD ôn thi tốt nghiệp THCS          | GP |      |  |
| 772 | 967 | Bt chọn lọc hóa học 8              | GD | 2009 |  |
| 773 | 968 | Ôn tập hóa học 8                   | GD |      |  |
| 774 | 969 | Thiết kế bài giảng Ngữ văn 8 tập 2 | HN | 2002 |  |
| 775 | 970 | Tự học vẽ                          | GD | 1985 |  |
| 776 | 971 | Bác Hồ với văn nghệ sĩ             |    | 1999 |  |

| TT<br>TÊN | SỐ ĐĂNG<br>KÍ | TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH                      | NHÀ XB | NĂM XUẤT<br>BẢN | GHI CHÚ |
|-----------|---------------|------------------------------------------|--------|-----------------|---------|
| 777       | 972           | Thời điểm của những sự thật              |        |                 |         |
| 778       | 973           | Những người lao động sáng tạo của thế kỉ | LĐ     | 1999            |         |
| 779       | 974           | Giáo dục lao động                        | GD     |                 |         |
| 780       | 975           | Giáo dục thái độ cộng sản với lao động   | TN     |                 |         |
| 781       | 976           | Những người lao động sáng tạo của thế kỉ | LĐ     | 2000            |         |
| 782       | 977           | Nam quốc sơn hà                          | TN     | 1997            |         |
| 783       | 978           | Tư tưởng văn học cổ TQ                   | GD     | 1995            |         |
| 784       | 979           | Thi ca bình dân                          | VH     | 1993            |         |
| 785       | 980           | Một thế kỉ văn minh nhân loại            |        | 1999            |         |
| 786       | 981->982      | Những người lao động sáng tạo của thế kỉ | LĐ     | 2000            |         |
| 787       | 983           | Tư liệu quản lí giáo dục TH              | GD     | 2008            |         |
| 788       | 984           | VŨ NGỌC PHAN- Tác phẩm tập 1             | HNV    | 2000            |         |
| 789       | 985           | VŨ NGỌC PHAN- Tác phẩm tập 2             | HNV    | 2000            |         |

|     |     |                                                          |      |      |  |
|-----|-----|----------------------------------------------------------|------|------|--|
| 790 | 986 | VŨ NGỌC PHAN- Tác phẩm tập 3                             | HNV  | 2000 |  |
| 791 | 987 | VŨ NGỌC PHAN- Tác phẩm tập 4                             | HNV  | 2000 |  |
| 792 | 988 | Văn tài võ lược xứ Thanh                                 | LĐ   |      |  |
| 793 | 989 | Tìm hiểu lịch sử Đảng VN                                 |      |      |  |
| 794 | 990 | Bài tập cơ học lí thuyết                                 |      |      |  |
| 795 | 991 | Toán cao cấp 1                                           |      | 1970 |  |
| 796 | 992 | Toán cao cấp 2                                           |      |      |  |
| 797 | 993 | Từ điển toán học thông dụng                              | GD   |      |  |
| 798 | 994 | Giáo dục VN tập 1                                        | GD   |      |  |
| 799 | 995 | Giáo dục VN tập 2                                        | GD   |      |  |
| 800 | 996 | Cả nước quyết tâm bảo vệ chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa | VHTT |      |  |
| 801 | 997 | SKKN ngành giáo dục và đào tạo                           | TH   | 2004 |  |